



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Công nghệ phù hợp
Nhân lực chất lượng
Chủ động sáng tạo
Hiệu quả vượt trội
Phát triển mạnh mẽ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Công nghệ phù hợp
Nhân lực chất lượng
Chủ động sáng tạo
Hiệu quả vượt trội
Phát triển mạnh mẽ



VINATEX

MỤC LỤC

06

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

10

Thông tin chung

- Tổng quan về Tập đoàn
- Tầm nhìn - Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu - Biểu tượng

- Các sự kiện nổi bật
 - Thông tin về tổ chức và nhân sự
 - Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính
-

28

Tình hình hoạt động năm 2018

- Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị
- Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát

- Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành
-

44

Quan hệ với cổ đông - nhà đầu tư

- Thông tin cổ phần
 - Cơ cấu cổ đông
 - Thông tin cổ đông lớn
 - Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư
-

48

Báo cáo phát triển bền vững

- Chính sách liên quan đến người lao động
 - Môi trường và năng lượng
 - Hoạt động cộng đồng
 - Quản trị rủi ro
-

56

Báo cáo kiểm toán hợp nhất



I.
**THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX), tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời chào trân trọng nhất cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

THÔNG ĐIỆP

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018, kinh tế thế giới có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với 2017; tốc độ tăng GDP ở khu vực các nước phát triển - thị trường chính của ngành Dệt May được cải thiện. Tuy nhiên, nửa cuối năm 2018 lại xuất hiện các vấn đề mới phức tạp, khó lường như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung; chủ nghĩa bảo hộ gia tăng; Brexit chưa có lời giải cuối; lãi suất USD tăng... đã làm cho các tín hiệu tốt không được duy trì, thậm chí xuất hiện các khó khăn về thị trường từ Quý IV - 2018.

Trong nước, với những nỗ lực hoàn thiện thể chế và cải cách hành chính sâu rộng, môi trường kinh doanh được nâng cấp một bước; thị trường tài chính ổn định; chi phí ngoài doanh nghiệp được kiểm soát tốt hơn. Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ qua các FTAs là động lực phát triển cho các ngành xuất khẩu, đặc biệt là Dệt May.

Với nỗ lực của toàn ngành năm 2018, KNXK Dệt May đạt 36,2 tỷ USD, tăng trên 16%, là năm tăng trưởng cao nhất kể từ 2011, đưa Việt Nam lên hàng thứ 2 thế giới cùng Ấn Độ về quy mô xuất khẩu. Trong thành công của ngành có đóng góp của Vinatex theo hướng chiến lược là cải thiện năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), sản xuất xanh, đổi mới công nghệ tiếp cận công nghệ 4.0, quản trị tinh gọn, hiệu quả hơn.

Tuy vậy, những hạn chế về liên kết chuỗi cung ứng toàn cầu, liên kết nội ngành và đa ngành tại Việt Nam; cạnh tranh lao động với doanh nghiệp FDI và các ngành khác; tốc độ đổi mới công nghệ còn chậm vẫn là những tồn tại trong quá trình phát triển của Vinatex.

Năm 2019 là năm dự báo kinh tế của các khu vực trên thế giới đều thấp hơn 2018, các vấn đề chính trị - kinh tế phát sinh từ 2018 chưa có giải pháp tổng thể, nhất là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và Brexit ảnh hưởng tới kinh tế toàn cầu. Trong nước, các đầu vào quan trọng là năng lượng, lãi suất đều đã tăng ngay trong Quý I, FTA với EU chưa rõ thời hạn hiệu lực sẽ là thách thức lớn với ngành.

Với Vinatex, việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu từ Bộ Công Thương về SCIC sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận theo hướng thị trường hơn, nhưng cũng đòi hỏi phải chủ động, sáng tạo, quyết liệt hơn trong thực hiện các giải pháp chiến lược, các khâu đột phá then chốt, nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện, bao gồm:

1 Tăng cường công tác quản trị ở tất cả các cấp trong Tập đoàn một cách đồng bộ, có hệ thống về tài chính, đầu tư, thị trường, kiểm soát... cho từng lĩnh vực Sợi, Dệt, Nhuộm, May; góp phần củng cố và nâng cao chuỗi giá trị tổng thể của sản phẩm dệt may. Đồng thời tập trung giải quyết nhanh các tồn tại, hạn chế của Tập đoàn và các doanh nghiệp trong Tập đoàn.

2 Chủ động theo dõi sát, nắm bắt các thông tin, biến động thị trường, tận dụng tối đa cơ hội từ các FTAs như CPTPP, EVFTA... mang lại; cung cấp cho khách hàng thông tin và dịch vụ dệt may trọn gói tốt nhất.

3 Nâng cao hiệu quả, hiệu suất đầu tư dự án Dệt May theo hướng phát triển bền vững; lựa chọn thông minh cơ hội đầu tư gắn với công tác thị trường, ứng dụng công nghệ mới phù hợp với xu thế, tạo ra sản phẩm giá trị gia tăng cao.

4 Hoàn thiện cơ chế, quy chế, chính sách của Tập đoàn nhằm tăng động lực, trách nhiệm, chủ động, quyết liệt cho đội ngũ quản lý các cấp và người lao động.

5 Đẩy mạnh công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực có khả năng hấp thụ thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp tối ưu hóa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động.

6 Phát huy hài hòa giá trị truyền thống, cốt cách văn hóa doanh nghiệp với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của Tập đoàn; là đơn vị có trách nhiệm cao với chương trình mục tiêu cộng đồng, an sinh quốc gia.

Tiếp thu chọn lọc kinh nghiệm, truyền thống phong phú của các thế hệ đi trước. Với phương châm mới "Hoàn thiện, Nâng cao, Tăng tốc, Phát triển toàn diện", tất cả cán bộ công nhân viên và người lao động trong Tập đoàn cần phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, thi đua lao động, sản xuất kinh doanh để hoàn thành tốt và vượt các kế hoạch năm 2019.

Thay mặt Hội đồng quản trị Tập đoàn, tôi xin gửi lời cảm ơn, chúc sức khỏe, thành công đến các cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và hơn 84 nghìn lao động của Tập đoàn vì sự đồng hành, gắn kết và hợp tác cùng phát triển trong thời gian qua, góp phần khẳng định thương hiệu thời trang Việt Nam trên thị trường thế giới.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

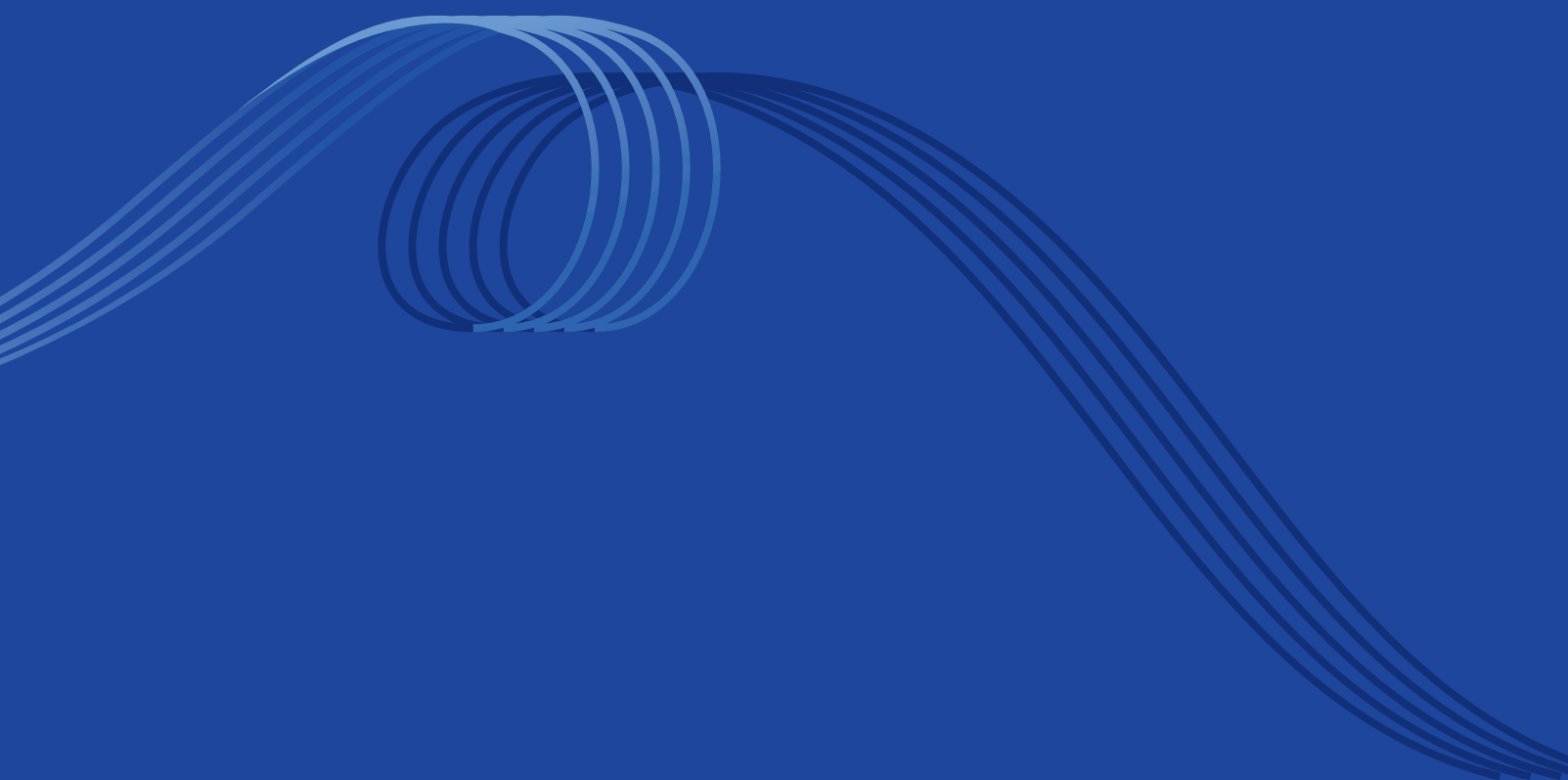


Trần Quang Nghị



II. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng quan về Tập đoàn
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu - Biểu tượng
3. Các sự kiện nổi bật
4. Thông tin về tổ chức và nhân sự
5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính



1. TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN



Tên tiếng Việt

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM



Tên tiếng Anh

VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP



Tên giao dịch

VINATEX



Vốn điều lệ

5.000.000.000.000 VND
(Năm nghìn tỷ đồng)



Địa chỉ

VP HN: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
VP HCM: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam



Điện thoại

(+84) 024. 3 825 7700



Fax

(+84) 024. 3 826 2269



Website

www.vinatex.com.vn



2. TÂM NHÌN - SỨ MỆNH, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, KHẨU HIỆU - BIỂU TƯỢNG



Tâm nhìn - Sứ mệnh

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách phát triển Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu của khu vực và thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.
- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.



Văn hóa doanh nghiệp

- Hiểu công việc mình làm.
- Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.
- Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.
- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.





Khẩu hiệu

**“Gắn vóc non sông,
Hào khí Lạc Hồng”**



VINATEX



Biểu tượng

- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ “VT” còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Dòng chữ “VINATEX” được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thế đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.
- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.

3. CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT

Quá trình hình thành và phát triển của Vinatex gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành Dệt May Việt Nam. Vinatex luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.

**T4
1995**

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.

**T10
2005**

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam nhận Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 theo Quyết định số 1240/QĐ-CTN ngày 11/10/2005 của Chủ tịch nước.

**T6
2010**

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**T5
2010**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Sao vàng năm 2010 của Chủ tịch nước theo Quyết định số 546/QĐ-CTN ngày 05/5/2010.

**T6
2000**

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng phần thưởng cao quý: Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000 theo Quyết định số 222/KT-CTN ngày 08/6/2000.

**T12
2005**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên tại "Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 314/2005/QĐ-TTg ngày 02/12/2005, cùng ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng được thành lập theo Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg.

**T2
2013**

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/02/2013 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2013-2015.

T10 2013

Chính phủ ban hành Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 9/10/2013 về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

T12 2015

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 2688/QĐ-CTN ngày 02/12/2015 của Chủ tịch nước.



T5 2017

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được vinh danh trong Chương trình "Vinh quang Việt Nam năm 2017", là 1 trong 30 tổ chức tiêu biểu của cả nước trong 30 năm đổi mới nhờ thành tích đưa thương hiệu Việt Nam đến các thị trường trên thế giới.

T9 2014

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thành công bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 22/9/2014.

T10 2018

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đánh giá là 1 trong 10 doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2017 - 2018.

T5 2014

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

T1 2015

Tập đoàn Dệt May Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 08/01/2015 và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 29/01/2015.

T1 2017

Cổ phiếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán VGT.

4. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

4.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

BAN KIỂM SOÁT

KHỐI CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG

1. Tạp chí Dệt May và Thời Trang Việt Nam
2. Tạp chí Mốt
3. Website: www.vinatex.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO

1. Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
2. Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt - May Nam Định
3. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex TP. Hồ Chí Minh
4. Trung tâm Y tế - Bệnh viện Dệt May

KHỐI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

1. CN TĐ DMVN tại TP. Hồ Chí Minh
2. CN TĐ DMVN - Nhà máy Sợi Phú Cường
3. CN TĐDMVN - Nhà máy Sợi Nam Định
4. CN TĐDMVN - Nhà máy May Quế Sơn
5. CN TĐDMVN - Trung tâm Thời trang Vinatex

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

CÁC BAN CHỨC NĂNG, THAM MƯU

KHỐI CÔNG TY TNHH MTV

1. Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Bắc - Vinatex
2. Công ty TNHH Tổng Công ty DM Miền Nam - Vinatex
3. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân
4. Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương

KHỐI ĐƠN VỊ CHI PHỐI (>50%)

1. Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ
2. Tổng Công ty CP Phong Phú
3. Công ty CP Dệt May Huế
4. Công ty CP Sợi Phú Bài
5. Công ty CP ĐT Phát triển Vinatex
6. Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định
7. Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
8. Công ty CP Len Việt Nam
9. Công ty CP Bông Việt Nam
10. Công ty TNHH SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam
11. Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối
12. Công ty CP Vinatex Phú Hưng

KHỐI ĐƠN VỊ LIÊN KẾT (<50%)

1. Tổng Công ty May 10 - CTCP
2. Tổng Công ty CP May Việt Tiến
3. Tổng Công ty Đức Giang - CTCP
4. Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP
5. Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
6. Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
7. Công ty CP May Hữu Nghị
8. Tổng Công ty May Đồng Nai - CTCP
9. Công ty CP May Bình Minh
10. Công ty CP May Nam Định
11. Công ty CP May Đáp Cầu
12. Công ty CP Vinatex Đà Nẵng
- ...

4.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

4.2.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT hiện tại gồm 05 thành viên.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	
2	Lê Tiến Trường	TV HĐQT - TGD	
3	Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT - P.TGD	
4	Phạm Phú Cường	TV HĐQT - P.TGD	
5	Lê Khắc Hiệp	TV HĐQT	



ÔNG TRẦN QUANG NGHỊ

Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị vào tháng 01/2015. Chủ tịch Trần Quang Nghị có gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành Dệt May. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành Dệt May Việt Nam. Ông Trần Quang Nghị là người quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, là người đưa ra định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

Ông Trần Quang Nghị đã được nhận nhiều Bằng khen, Huân chương của Đảng và Nhà nước trao tặng.

ÔNG LÊ TIẾN TRƯỜNG - TV HĐQT - TGD

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ tháng 01/2015. Ông đã có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 10 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc trước khi Tập đoàn được cổ phần hóa.

Ông Lê Tiến Trường có bằng ĐH Kỹ sư Cơ khí, bằng Thạc sỹ Quản trị Nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Havard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

ÔNG ĐẶNG VŨ HÙNG TV HĐQT - P. TGD

Ông Đặng Vũ Hùng có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may, là người được đào tạo chuyên sâu về ngành dệt may với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ Giám đốc Công ty OE - Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty TNHH MTV Dệt 8/3...

ÔNG PHẠM PHÚ CƯỜNG TV HĐQT - P. TGD

Ông Phạm Phú Cường là Thạc sỹ Kinh tế, với gần 25 năm kinh nghiệm và gắn bó với ngành dệt may. Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Công ty CP May Nhà Bè, Phó TGD, TGD và Chủ tịch Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP, Chủ tịch HĐQT-TGD TCT Dệt May Miền Nam, v.v...

ÔNG LÊ KHẮC HIỆP Thành viên HĐQT

Ông Lê Khắc Hiệp hiện là Phó CT HĐQT Tập đoàn Vingroup - Công ty CP. Ông tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Kharkov - Ucraina (Liên Xô cũ) với học vị Tiến sỹ vật lý. Ông gia nhập Vingroup năm 2004 và giữ nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vincom, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Vincom.

4.2.2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tập đoàn và hiện có 05 thành viên.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Phan Thanh Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát
4	Lê Thị Ánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
5	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ NGUYỄN THỊ MINH HIỀN

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Tài chính Kế toán, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn Việt Nam như: Phó Trưởng ban Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Dệt May Việt Nam (nay là Tập đoàn Dệt May Việt Nam), Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Trưởng Ban Pháp chế Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Trưởng Ban Tổng hợp Pháp chế Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Dung tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân. Bà có nhiều năm giữ những vị trí công tác gắn liền với lĩnh vực tài chính kế toán như: Trưởng phòng Kế toán Công ty May Đức Giang (nay là Tổng Công ty Đức Giang - CTCP), Kế toán trưởng Công ty CP May Hồ Gươm, Phó Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG PHAN THANH SƠN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Phan Thanh Sơn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Tài chính, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Ông từng đảm nhận các vị trí: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, Ủy viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Dệt May Việt Nam, Kế toán trưởng Công ty Len Việt Nam, Phó Ban Tài chính Kế toán, Phó Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ LÊ THỊ ÁNH NGỌC

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Ánh Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh và từng đảm nhận nhiều vị trí công tác như: Phó Ban KD BĐS kiêm GB sàn giao dịch BĐS Nam Cường - Tập đoàn Nam Cường, Trưởng ban Tiếp nhận và Bàn giao BĐS kiêm Phó Ban KD BĐS - Tập đoàn Vingroup.

BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà hiện là Chuyên viên Ban Tài chính - Tập đoàn Vingroup - CTCP. Bà tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán chuyên ngành Kiểm toán. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà có gần 10 năm công tác tại các doanh nghiệp như: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH MTV VTC Công nghệ và nội dung số, Tập đoàn Vingroup - CTCP.

4.2.3. CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Cơ quan Điều hành (CQĐH) thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. CQĐH của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với một số Phó Tổng Giám đốc, một số Giám đốc Điều hành và 01 Kế toán trưởng.

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Lê Tiến Trường	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	
2	Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	
3	Phạm Phú Cường	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	
4	Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc	
5	Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
6	Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	
7	Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2019
8	Lê Mạc Thuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2019
9	Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành kiêm GD TT Đào tạo CBQL doanh nghiệp dệt may	
10	Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc CN TĐ DMVN tại TP. HCM	
11	Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành	
12	Nguyễn Đức Trí	Giám đốc Điều hành	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2019



ÔNG LÊ TIẾN TRƯỜNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ tháng 01/2015. Ông đã có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 10 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc trước khi Tập đoàn được cổ phần hóa.

Ông Lê Tiến Trường tốt nghiệp ĐH Kỹ sư Cơ khí, Thạc sỹ Quản trị Nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Havard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

ÔNG ĐẶNG VŨ HÙNG

TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may, là người được đào tạo chuyên sâu về ngành dệt may với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ GD nhà máy Sợi OE-Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Chủ tịch HĐQT-TGD Công ty TNHH MTV Dệt 8/3...

ÔNG PHẠM PHÚ CƯỜNG

TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Phú Cường là Thạc sỹ Kinh tế, với gần 25 năm kinh nghiệm và gắn bó với ngành dệt may. Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như GĐĐH Công ty CP May Nhà Bè, Phó TGD, TGD và Chủ tịch Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP...

ÔNG LÊ TRUNG HẢI

Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư chuyên ngành dệt, kỹ sư hóa nhuộm, là người trưởng thành từ thực tiễn quản lý và điều hành doanh nghiệp với gần 40 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhà máy Dệt - Công ty Dệt Phong Phú, Phó TGD Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty Dệt Phước Long, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BÀ PHẠM NGUYỄN HẠNH

Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Tài chính, Thạc sỹ QTKD có gần 30 năm công tác trong ngành dệt may và từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Kế toán trưởng, GĐĐH, Phó TGD Công ty May Đức Giang, Trưởng Ban TCKT, Kế toán trưởng, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG NGUYỄN ĐỨC KHIÊM

Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư chuyên ngành dệt, là người có nhiều năm gắn bó và có kinh nghiệm gần 40 năm trong ngành dệt may. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Phó TGD Tổng Công ty Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT - TGD Tổng Công ty Việt Thắng, GĐDH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG PHẠM VĂN TÂN

Phó Tổng Giám đốc

Ông là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sỹ tài chính và có hơn 20 năm gắn bó với ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kế toán Công ty May Đức Giang, Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán, GĐDH kiêm Kế toán trưởng Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG LÊ MẠC THUẤN

Phó Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như TGD Xí nghiệp May Sông Tiên, GĐDH Công ty May Nhà Bè, Phó TGD Tổng Công ty May Nhà Bè, GĐDH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

ÔNG NGUYỄN KHÁNH SƠN

Giám đốc điều hành

Kỹ sư chuyên ngành sợi, Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp với hơn 30 kinh nghiệm trong ngành dệt may. Ông đã đảm nhận các vị trí quan trọng như Phó TGD Công ty Dệt May Hà Nội, TGD Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội.

BÀ PHẠM MINH HƯƠNG

Giám đốc điều hành

Là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Tài chính. Bà từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Tiếp thị và Xuất Nhập khẩu, Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Tiếp thị, Xuất Nhập khẩu, GĐDH, Phó TGD, thành viên Ban Quản trị Tổng Công ty Phong Phú, TGD Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam.

ÔNG CAO HỮU HIẾU

Giám đốc điều hành

Là người được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực dệt may với học vị Thạc sỹ Công nghệ Dệt May với gần 20 năm công tác trong ngành dệt may. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên như: Giám đốc Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt May Nam Định, Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn, Trưởng Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn.

ÔNG NGUYỄN ĐỨC TRI

Giám đốc điều hành

Ông có trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh với 25 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn như Trưởng phòng KD Xuất nhập khẩu Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng; Giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT TCTy CP Dệt May Hòa Thọ.

5. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

5.1. NGÀNH SỢI

- Năng lực thiết kế:

144.216 tấn/năm
(quy đổi Ne30)

- Mặt hàng:

Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi cotton se, sợi polyester, sợi dệt Ne 30/1-40/1, sợi CVCD, sợi CVCM, sợi 100% cotton chải thô/chải kỹ,...

- Thiết bị công nghệ:

Sợi được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến có xuất xứ từ Châu Âu, Nhật, Trung Quốc... Thiết bị đã đầu tư trong các dự án hiện nay chủ yếu được cung cấp bởi các hãng chế tạo danh tiếng trên thế giới với tính tự động hóa cao, giúp cho việc kiểm soát chất lượng tốt hơn, tăng năng suất và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

5.2. NGÀNH VẢI

5.2.1 VẢI DỆT THOI

- Năng lực thiết kế:

165,4 triệu mét vuông/năm

- Thiết bị công nghệ:

- Máy dệt được nhập chủ yếu từ Nhật Bản, trong đó máy dệt khí chiếm tỉ trọng lớn (khoảng 80%). Máy dệt khí của hãng Toyota được đánh giá cao do tốc độ và hiệu suất máy cao (vận tốc trung bình 1000 vòng/phút), dễ thao tác, độ bền cao, phù hợp với điều kiện môi trường khí hậu tại Việt Nam.

- Máy mắc và máy hồ hiện nay nhập chủ yếu từ Trung Quốc và Đài Loan, với trình độ công nghệ tiên tiến, giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị dệt, tăng năng suất chất lượng sản phẩm.

- Máy nhuộm trong các dự án được nhập chủ yếu từ Châu Âu và Châu Á và được cung cấp bởi các hãng Thies - Đức, Fong's - Hongkong.

5.2.2 VẢI DỆT KIM

- Năng lực thiết kế:

14.200 tấn/năm

- Thiết bị công nghệ:

Dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Đài Loan, Nhật Bản... do các hãng chế tạo có uy tín cung cấp (Máy dệt kim: Mayer Cie - Đức, Terrot - Đức, Fukuhara - Nhật, Fukahama - Đài Loan, Junlong-Đài Loan; Máy nhuộm: Thies - Đức, Fong's - Hongkong).

5.3. NGÀNH MAY

- Năng lực thiết kế:

319 triệu sản phẩm/năm

- Thiết bị công nghệ:

Công nghệ thiết bị hiện đại, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Nhật và Mỹ (Juki - Nhật, Brother - Nhật, Kansai - Nhật, Durkopp Adler - Đức, Gerber - Mỹ).



III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT)
2. Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát (BKS)
3. Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành

1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

1.1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

HĐQT tổ chức giám sát và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua 08 phiên họp HĐQT định kỳ và các cuộc lấy ý kiến bằng văn bản. Theo đó, tình hình tham dự của các thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	08/01/2015	8	100%
2	Ông Lê Tiến Trường	TV HĐQT kiêm TGD	08/01/2015	8	100%
3	Ông Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT	08/01/2015	8	100%
4	Ông Phạm Phú Cường	TV HĐQT	08/01/2015	8	100%
5	Ông Lê Khắc Hiệp	TV HĐQT	08/01/2015	8	100%

Ghi chú: Ông Don Di Lam - nguyên thành viên HĐQT Vinatex tham dự 02 phiên họp của HĐQT trong năm 2018. Ông Don Di Lam có đơn xin từ nhiệm TV HĐQT từ ngày 29/1/2018 và được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua. Ông Lê Đình Ngọc - nguyên thành viên HĐQT Vinatex tham dự 06 phiên họp của HĐQT trong năm 2018. Ông Lê Đình Ngọc có đơn xin từ nhiệm TV HĐQT từ ngày 2/4/2018 và được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

- Như vậy, các thành viên HĐQT hiện nay đều tham dự đầy đủ các cuộc họp trong năm 2018.

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện đúng Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn: đã thực hiện 08 phiên họp HĐQT và ban hành 19 Nghị quyết để định hướng, giao nhiệm vụ và chỉ đạo Cơ quan điều hành nhằm thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, trong đó có một số nội dung chính như sau:

- Tập trung sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác khai thác dự án Tập đoàn, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư mở rộng và hiện đại hóa khi có thời cơ như nghiên cứu đầu tư khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhà máy sợi, thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dệt may Việt Nam - trung tâm thời trang,...
- Nâng cao khả năng tự doanh tài chính Tập đoàn, hỗ trợ hiệu quả tài chính đơn vị thành viên, sử dụng chi phí vốn nhàn rỗi một cách hợp lý, thông minh và đúng pháp luật.
- Thông qua vấn đề về nhân sự cấp cao, thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Don Di Lam và ông Lê Đình Ngọc.

1.2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2018

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc được thực hiện một cách linh hoạt, toàn diện và chặt chẽ như sau:

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc Tập đoàn xây dựng chính sách kế hoạch SXKD gắn cơ chế khen thưởng, phân cấp theo mức độ hoàn thành kế hoạch, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định nhà nước.
- Thường trực HĐQT tăng cường giao ban với CQĐH Tập đoàn để cập nhật trao đổi đánh giá các việc đã triển khai, để cùng đẩy nhanh tiến độ, chỉ đạo xuyên suốt, hỗ trợ nhanh chóng kịp thời và hiệu quả công việc.
- Chỉ đạo CQĐH Tập đoàn quyết liệt trong việc xây dựng quy hoạch nhân sự, đánh giá, tăng cường, bổ sung công tác cán bộ và đề xuất giải pháp về nhân lực quản trị các cấp tại Tập đoàn và đơn vị thành viên.

Kết quả giám sát:

HĐQT ghi nhận, đánh giá cao CQĐH và Tổng Giám đốc đã kịp thời đề xuất, tham mưu các chính sách, chủ trương về đầu tư, tài chính, phát triển thị trường và tăng cường nhân lực, góp phần thực hiện đầy đủ và kịp thời các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra trong năm 2018.



1.3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2018

• Năm 2018 là một năm biến động đối với dệt may toàn cầu, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng lớn thị trường dệt may thế giới. Tình hình trong nước có sự chuyển biến tích cực môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện doanh nghiệp dệt may phát triển. Với nỗ lực của toàn bộ các doanh nghiệp trong hệ thống, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đạt được phần lớn các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra năm 2018 như Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức.

Kết quả SXKD hợp nhất năm 2018 của Tập đoàn như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	KH NQĐH	Năm 2018	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	KH
1	Tổng doanh thu	18.464.545	20.319.100	20.246.631	109,65%	99,64%
2	Chi phí	17.716.075	19.531.480	19.485.230	109,86%	99,76%
3	LNTT	748.470	787.620	761.401	101,73%	96,67%
4	Tỷ suất LNTT/CSH	9,61%	9,90%	9,56%	99,48%	96,57%

Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị năm 2018:

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện theo quyết nghị của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

1.4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

1.4.1. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC NĂM 2019

Cơ hội:

Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung có xu hướng hạ nhiệt với tuyên bố của Tổng thống Mỹ về việc hòa hoãn hành động

áp thuế thêm lên các sản phẩm Trung Quốc là chỉ dấu tốt cho ngành dệt may Trung Quốc, toàn bộ chuỗi cung toàn cầu nói chung và ngành sợi của Việt Nam nói riêng.

Các Hiệp định thương mại tự do đi vào hiệu lực: Hiệp định

CPTPP chính thức có hiệu lực tại Việt Nam kể từ ngày 14/1/2019 là cơ hội cho dệt may Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu đến các nước thành viên, nhất là thị trường Canada và Úc. Dự kiến Hiệp định EVFTA có hiệu lực trong nửa cuối năm 2019 giúp Dệt may Việt Nam tăng trưởng xuất khẩu tại thị trường EU.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây, đặc biệt là năm 2018 ở mức cao và tình hình kinh tế - xã hội ổn định là cơ sở để duy trì tốc độ tăng trưởng cho năm 2019.

Thách thức:

Tăng trưởng kinh tế thế giới đang trên đà giảm tốc: World Bank dự báo tăng trưởng toàn cầu được dự báo giảm từ 3% trong năm 2018 xuống còn 2,9% trong năm 2019 và 2,8 % trong năm 2020-2021. Tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển được dự báo giảm xuống mức 2% trong năm 2019. Tăng trưởng cho nhóm các quốc gia đang phát triển và các quốc gia mới nổi được kỳ vọng giữ vững mức 4,2% trong năm nay, thấp hơn so với dự báo trước đó.

Lãi suất liên tục được điều chỉnh tăng: Trong năm 2019, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) được dự báo sẽ tăng lãi suất hai lần

lên mức 3,0%. Điều này tác động đến tỷ giá và dòng vốn đầu tư (từ khu vực lãi suất thấp sang lãi suất cao). Do đó, Việt Nam có thể phải tăng nhẹ lãi suất theo đà tăng của thế giới, điều này là rủi ro mà doanh nghiệp cần lưu ý.

Đồng đô la Mỹ tăng giá, cùng thị trường tài chính biến động gây áp lực phá giá tiền tệ đối với các nước đang phát triển. Một số quốc gia để gặp phải nguy cơ căng thẳng về tài chính.

Cạnh tranh với các doanh nghiệp FDI ngày càng khốc liệt: Lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do sẽ thu hút làn sóng FDI mới vào Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp FDI với lợi thế về vốn, quy mô sản xuất, công nghệ, con người sẽ gây sức ép cạnh tranh lớn cho doanh nghiệp nội địa.

Khả năng đáp ứng các điều kiện về quy tắc xuất xứ của các FTA còn kém: với tình trạng nút thắt cổ chai ở khâu dệt nhuộm, doanh nghiệp Việt sẽ cần nỗ lực hơn nữa để đáp ứng được điều kiện về quy tắc xuất xứ của các Hiệp định, nhằm tận dụng được lợi ích về giảm thuế.

Chi phí đầu vào tiếp tục có xu hướng tăng như mức lương tối thiểu vùng tăng trung bình 5,3% so với năm 2018, kéo theo bảo hiểm xã hội, chí phí nhân công tăng. Chi phí điện tăng 8,3% từ 20/03/2019.

1.4.2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Trước những đánh giá và dự đoán về tình hình dệt may thế giới, cũng như tác động đối với thị trường trong nước cho thấy năm 2019 sẽ có những biến động khó lường đối với ngành Dệt May Việt Nam. Tập đoàn cần phải nắm bắt cơ hội, vượt qua những thách thức, phát huy sức mạnh trí tuệ tập thể, thay đổi tư duy, hành động quyết liệt để hoàn thành tốt các nhiệm vụ, kế hoạch năm 2019. Tập đoàn cần tập trung vào những công tác quan trọng sau:

- Quản trị hiện đại, hình thành hệ thống dữ liệu, các KPI về tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho từng ngành Sợi, Dệt, Nhuộm, May, nâng cao năng lực chuỗi giá trị sản phẩm tại các đơn vị trong hệ thống Tập đoàn.

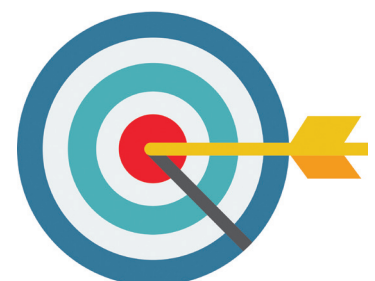
- Tổ chức thị trường tập trung, làm việc với khách hàng lớn để liên kết, hợp tác khai thác năng lực sẵn có của đơn vị thành viên, mở rộng thị trường xuất khẩu tại EU, Canada, Úc,... tận dụng lợi thế từ các FTAs như CPTPP, EVFTA,...

- Tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, ít tiêu hao năng lượng, thân thiện môi trường, đồng thời tạo đà cho công tác đầu tư mới trên tinh thần nắm bắt cơ hội, đầu tư thông minh, phát triển bền vững.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, xác định giá trị vốn hóa người lao động gắn với văn hóa doanh nghiệp, nâng cao giá trị và thương hiệu doanh nghiệp.

- Tái cơ cấu tổ chức, hỗ trợ hiệu quả tài chính đơn vị thành viên qua các hình thức Cổ phần hóa, xã hội hóa đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp FDI,... một cách hợp lý, thông minh, chuyên nghiệp và đúng pháp luật.

- Nâng cao nhận thức quản trị rủi ro và năng lực giám sát đặc biệt của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư,...



2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

2.1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công tác theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT, HĐQT Tập đoàn, kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty Mẹ Tập đoàn, các doanh nghiệp 100% vốn Tập đoàn, các chi nhánh của Tập đoàn, các Tổng Công ty và một số đơn vị Tập đoàn có vốn trên 51%. Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp có đầy đủ các thành viên tham gia, nội dung các cuộc họp là thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ năm 2018 và kế hoạch năm 2018, thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 6 tháng 2018 và kế hoạch triển khai 6 tháng cuối 2018, thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ năm 2019, Các cuộc họp đều lập biên bản cuộc họp và từng thành viên thông qua và thống nhất ký tên.

Quá trình thực hiện kiểm soát đảm bảo tính trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

2.2. BÁO CÁO THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện đúng theo quyết nghị của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

2.3. VỀ VIỆC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết với các nội dung nằm trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trong đó có việc thành lập Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm thời trang, Trung tâm đã có lợi nhuận ngay trong năm đầu hoạt động và đã là một trong các kênh trực tiếp quảng bá thương hiệu sản phẩm và hình ảnh của Vinatex trên thị trường nội địa, thành lập Ban quản lý tài sản để tập trung một đầu mối quản lý toàn bộ tài sản nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng tài sản. HĐQT quyết định các chủ trương nghiên cứu đầu tư khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Ninh Thuận, đầu tư Nhà máy Sợi 2 tại Nam Định, đầu tư Nhà máy Sợi 2 tại Cty Cọ Sợi Phú Hưng..., giao nhiệm vụ và chỉ đạo HĐQT để thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT qua các báo cáo thường kỳ, thường niên của HĐQT và các báo cáo trong các phiên họp HĐQT của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các báo cáo hàng quý, năm của Ban Kiểm soát Tập đoàn.

2.4. VỀ VIỆC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

2.4.1. VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:

Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT ban hành, HĐQT Tập đoàn đã nghiêm túc thực hiện, triển khai các biện pháp để thực hiện chỉ đạo của HĐQT đề ra, kết quả đã hoàn thành được các chỉ đạo của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra:

Báo cáo kết quả Công ty mẹ - 2018

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018		% TH/KH	% so 2017
			KH	TH		
1	Doanh thu	1.799,540	1.159,720	1.489,978	128,47	82,79
2	Lợi nhuận trước thuế	255,490	305,050	345,377	113,21	135,18
3	Lợi nhuận sau thuế	255,490	305,050	345,377	113,21	135,18
4	Cổ tức	5%	6%	6%	100	120

Ghi chú: Đối với tỉ lệ chia cổ tức năm 2017, Tập đoàn chia 5%/VĐL, tuy nhiên mới tạm ứng 4% và sẽ chia tiếp 1% trong năm 2019

Năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh có kết quả thực hiện tốt hơn các năm trước, doanh thu vượt kế hoạch 28,47%, nhưng giảm so với năm 2017 do giảm doanh thu từ các chi nhánh có sự chuyển đổi về tài sản hoạt động và thu hẹp sản xuất, lợi nhuận vượt kế hoạch 13,21% và tăng 35,18% so với năm 2017. Kết quả trên đã thể hiện sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và các giải pháp của Tổng giám đốc nhằm tăng hiệu quả SXKD đối với các đơn vị có vốn của Tập đoàn và các chi nhánh của Tập đoàn và tăng cường công tác quản trị của Tập đoàn, kịp thời có các giải pháp cho các đơn vị còn khó khăn, Tập đoàn đã triển khai công tác giám sát đặc biệt đối với các đơn vị chưa hiệu quả và triển khai công tác quản trị rủi ro nhằm giảm thiểu các rủi ro xảy ra, và đặc biệt là sự thực hiện nghiêm túc chỉ đạo

của Tập đoàn đối với các đơn vị có vốn của Tập đoàn đã góp phần vào thành công của Tập đoàn trong năm 2018.

Tuy nhiên, vẫn còn những đơn vị khó khăn như: Công ty cổ phần Sản xuất - xuất nhập khẩu Dệt May, Công ty cổ phần Len Việt Nam, Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam, Công ty TNHH May mặc xuất khẩu Tân Châu, Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc, Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân và một số chi nhánh thuộc Tập đoàn. Đơn vị chưa có lợi nhuận cao là Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương.

2.4.2. VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ TẬP ĐOÀN:

- Tổng tài sản, nguồn vốn là 9.000,045 tỷ đồng (năm 2017 là 8.876,410 tỷ đồng; năm 2016 là 8.701,214 tỷ đồng; năm 2015 là 7.047 tỷ đồng) tăng 1,4% so năm 2017.

- Nợ vay dài hạn giảm 1,8% so với năm 2017 do không tăng vay dài hạn mà đã trả nợ để giảm nợ vay.

- Vốn chủ sở hữu 5.956,057 tỷ đồng tăng 1,5% so với năm 2017.

- Hiệu quả sử dụng vốn: P sau thuế/vốn chủ sở hữu là 5,83%, tăng so với năm 2017 là 1,45%.

- P sau thuế/VĐL là 6,9% tăng so với năm 2017 là 1,8%

- Tỷ lệ nợ/ vốn chủ là 0,51.

- Tình hình tài chính hiện đang trong tầm kiểm soát.

VỀ CÔNG NỢ:

- **Tổng nợ phải thu:** 2.940,4 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 1.170,7 tỷ đồng, và phải thu dài hạn là 1.769,68 tỷ đồng, trong đó có khoản phải thu cho vay từ nguồn ADB là 1.337,8 tỷ đồng;

- **Tổng nợ phải trả:** 3.043,987 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 813 tỷ đồng và nợ phải trả dài hạn là 2.231 tỷ đồng, trong đó có khoản phải trả dài hạn từ nguồn ADB 1.626,8 tỷ đồng. Nợ dài hạn đến hạn trả là 76,84 tỷ đồng.

Về công nợ cần lưu ý:

Khoản nợ phải thu, phải trả từ nguồn ADB vì thời gian cho vay dài nên cần xác lập cơ sở pháp lý chặt chẽ để việc thu hồi nợ được đúng hạn đảm bảo nguồn trả nợ và theo yêu cầu quản lý nguồn vốn vay từ ADB, hàng năm Tập đoàn cần lập báo cáo tài chính của dự án và được kiểm toán.

Về các dự án đầu tư hoàn thành đã bàn giao cho các Tổng công ty quản lý và khai thác sử dụng, Tập đoàn cần hoàn tất thủ tục chuyển nợ vay cho các TCT để theo dõi và trực tiếp trả nợ.

2.4.3. VỀ ĐẦU TƯ

Năm 2018 Tập đoàn không triển khai đầu tư dự án mới mà tập trung nguồn lực cho việc khai thác các dự án hoàn thành để phát huy hiệu quả, kết quả một số dự án đã đi vào sản xuất ổn định và giảm lỗ so với năm trước, một số dự án chưa hiệu quả đã chuyển đổi tổ chức để phát huy tốt hơn.

Về quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành: HĐQT đã phê duyệt quyết toán 08/10 dự án hoàn thành, còn 02 dự án đang trong quá trình kiểm toán để trình phê duyệt (May Cầm Thơ và May Quế Sơn).

Lưu ý trong công tác đầu tư: cần tăng cường công tác khảo sát, tính toán, thẩm định, chuẩn bị nguồn nhân lực... thật tốt trước khi quyết định đầu tư, khi đầu tư cần giám sát chất lượng công trình đầu tư... nhằm đạt hiệu quả vốn đầu tư theo dự án đã xây dựng

2.4.4. VỀ VIỆC GIÁM SÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ TẬP ĐOÀN

Kết quả kiểm tra không thay đổi so với Báo cáo đã kiểm toán: Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31/12/2018; kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.5. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

- Đối với HĐQT: Hàng quý, năm Ban Kiểm soát đều gửi Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát đến Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Tập đoàn.

- Đối với cơ quan điều hành: Ban Kiểm soát được Cơ quan điều hành cung cấp tài liệu và tạo điều kiện thực thi nhiệm vụ.

- Đối với các cổ đông: Ban Kiểm soát chưa nhận được ý kiến của các cổ đông lớn gửi về Ban kiểm soát.

2.6. KHUYẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Qua kết quả thực hiện năm 2018, Ban Kiểm soát có một số khuyến nghị như sau:

- Đề nghị Tập đoàn phối hợp với các Bộ ngành hoàn thiện hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 để chính thức bàn giao cho Công ty cổ phần.

- Đề nghị Tập đoàn đẩy nhanh tiến độ giải thể các chi nhánh mà tài sản đã chuyển về Tập đoàn để hình thành các công ty cổ phần và hợp tác sản xuất kinh doanh.

- Đối với công tác đầu tư XDCC cần rút kinh nghiệm từ các dự án đã đầu tư để đầu tư hiệu quả hơn.

- Đối với các đơn vị còn khó khăn, chưa hiệu quả, Tập đoàn cần có những chỉ đạo quyết liệt và khả thi về những tồn tại của từng đơn vị để các đơn vị vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất, phát huy hiệu quả.

2.7. KẾ HOẠCH KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2019

- Giám sát hoạt động của HĐQT, CQĐH Tập đoàn thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Giám sát kiểm tra theo quý, năm hoạt động của Công ty Mẹ Tập đoàn, các đơn vị 100% vốn Tập đoàn và các đơn vị có vốn đầu tư của Tập đoàn đang có khó khăn.

- Thực hiện những công việc khác theo yêu cầu của HĐQT, của các cổ đông.

3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

3.1. TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG DỆT MAY NĂM 2018

Năm 2018 mặc dù nền kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng tốt (GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 trở lại đây) nhưng có thể nói 2018 là một năm chứng kiến nhiều biến động, diễn biến khó lường của nền kinh tế thế giới. Đối với ngành dệt may Việt Nam, năm 2018 phải đối mặt với nhiều khó khăn, trong đó nổi lên các vấn đề sau:

Thứ nhất, ảnh hưởng khi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gia tăng mức độ căng thẳng. Mặc dù Việt Nam không phải đối tượng trực tiếp chịu tác động tăng thuế trong cuộc chiến tranh thương mại song căng thẳng thương mại khiến nhu cầu của các nước nhập khẩu lớn giảm dẫn đến giá giảm, đặc biệt đối với ngành sợi, kể từ quý 3 năm 2018 giá sợi và đơn hàng đều giảm.

Thứ hai, Cục Dự trữ liên bang Mỹ tăng lãi suất 4 lần trong năm 2018 lên mức 2,5% kéo theo các nước khác tăng lãi suất làm giảm nhu cầu tiêu dùng hàng dệt may.

Thứ ba, trước áp lực tăng lãi suất và ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang, các nước xuất khẩu dệt may lớn như Trung Quốc, Ấn Độ phá giá đồng tiền (đồng nhân dân tệ của Trung Quốc mất giá 7%, đồng Rupee của Ấn Độ mất giá 10%, đồng Lira của Thổ Nhĩ Kỳ mất giá 40%), trong khi Việt Nam đồng chỉ mất giá khoảng 3% khiến hàng dệt may Việt Nam kém cạnh tranh hơn các đối thủ về giá.

Thứ tư, một số Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA chưa có hiệu lực khiến lợi thế cạnh tranh về cắt giảm thuế quan, gia tăng xuất khẩu vào các nước thành viên của Hiệp định là chưa có.

Thứ năm, lợi thế của ngành Dệt may Việt Nam về lao động

giá rẻ đã ngày một yếu đi. Theo số liệu từ Tổ chức lao động quốc tế ILO, lương bình quân công nhân dệt may Việt Nam đạt khoảng 235 USD/tháng năm 2018, chỉ kém mỗi Trung Quốc là 520 USD/tháng. Trong khi đó, lương bình quân công nhân dệt may của các đối thủ cạnh tranh khác như Campuchia và Indonesia (170 USD/tháng), Pakistan (142 USD/tháng), Myanmar (135 USD/tháng), Ấn Độ (105 USD/tháng), Bangladesh (95 USD/tháng) đều thấp hơn Việt Nam. Lý do là trong giai đoạn 2015-2018, tốc độ tăng trưởng lương bình quân của Việt Nam khá cao, đạt 9,7%, chỉ sau Trung Quốc (11,02%). Các quốc gia cạnh tranh khác có tốc độ tăng trưởng lương bình quân như sau: Ấn Độ 9,48%, Pakistan 8,23%, Bangladesh 4,6%, Campuchia 15,6%.

Đặt trong bối cảnh các nước xuất khẩu dệt may lớn trên thế giới như Trung Quốc, Pakistan, tăng trưởng thấp dưới 5%, đặc biệt xuất khẩu dệt may của Ấn Độ và Bangladesh suy giảm (Ấn Độ giảm 2%, Bangladesh giảm 3,7%), Campuchia tăng 8,2% nhưng giá trị tuyệt đối tăng chỉ xấp xỉ 800 triệu đô la Mỹ, xuất khẩu dệt may Việt Nam năm 2018 đạt 36,37 tỷ đô la Mỹ, tăng 16%, nằm trong top 3 nước xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới, chỉ đứng sau Trung Quốc và ngang bằng Ấn Độ là kết quả hết sức tích cực. Thặng dư thương mại (xuất siêu) của ngành dệt may đạt 17,8 tỷ đô la Mỹ.

Về thị trường xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ đạt 13,95 tỷ USD, tăng 11,72%; xuất khẩu sang EU đạt 5,85 tỷ USD, tăng 13,24%; xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 4 tỷ USD tăng 22,01%; xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 3,97 tỷ USD tăng 18,15%; xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 3,82 tỷ USD tăng 24,52%. Về tỷ trọng, thị trường Mỹ vẫn chiếm tỷ trọng lớn gần 38,3%, theo sau là các thị trường lớn khác như EU (16,1%), Nhật Bản (11,02%), Hàn Quốc (10,53%), Trung Quốc (10,91%).

3.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

3.2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:

Chỉ tiêu	Năm 2017	KH NQĐH	Năm 2018	Đơn vị: Triệu đồng	
				Cùng kỳ	KH
Tổng doanh thu	1.799.540	1.159.720	1.489.978	82,8%	128,5%
Chi phí	1.544.050	854.670	1.144.601	74,1%	133,9%
LNTT	255.490	305.050	345.377	135,2%	113,2%
Tỷ suất LNTT/VĐL	5,1%	6,1%	6,9%	135,3%	113,1%
Tỷ lệ chia cổ tức	5,0%	6,0%	6,0%	120,0%	100,0%
Vốn điều lệ	5.000.000		5.000.000	100,0%	

Tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 1.489,9 tỷ đồng, giảm 17,2% so với cùng kỳ và tăng 28,5% so với kế hoạch ĐHĐCĐ nguyên nhân do một số Chi nhánh của Tập đoàn thay đổi mô hình hoạt động: Nhà máy Sợi Phú Hưng chuyển sang Công ty cổ phần từ tháng 2/2018; Nhà máy dệt vải Yarndyed chuyển sang cho Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương vận hành; Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh thu hẹp hoạt động kinh doanh; Lợi nhuận trước thuế đạt 345,4 tỷ đồng, tăng 35,2% so với cùng kỳ và tăng 13,2% so với kế hoạch ĐHĐCĐ; tỷ lệ cổ tức đạt 6% trên vốn điều lệ 5.000 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ và bằng kế hoạch ĐHĐCĐ.

3.2.2. Kết quả kinh doanh hợp nhất Tập đoàn:

Tổng doanh thu đạt 20.246,6 tỷ, tăng 9,65% so với cùng kỳ, giảm 0,36% so với kế hoạch ĐHĐCĐ; Lợi nhuận trước thuế đạt 761,4 tỷ đồng tăng 1,7% so với cùng kỳ, giảm 3,3% kế hoạch ĐHĐCĐ; tỷ suất LNTT/VCSH đạt 9,56%, giảm 0,52% so với cùng kỳ, giảm 3,43% so với kế hoạch, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	KH NQĐH	Năm 2018	Đơn vị: Triệu đồng	
				So sánh	
				Cùng kỳ	KH
Tổng doanh thu	18.464.545	20.319.100	20.246.631	109,65%	99,64%
Tổng chi phí	17.716.075	19.531.480	19.485.230	109,86%	99,76%
Lợi nhuận trước thuế	748.470	787.620	761.401	101,73%	96,67%
Tỷ suất LNTT/VCSH	9,61%	9,90%	9,56%	99,48%	96,57%

3.2.3. Tình hình tài chính

Tập đoàn đã trực tiếp làm việc với đơn vị trọng yếu để rà soát hoạt động SXKD, các vấn đề tài chính, đồng thời cùng đơn vị xử lý các tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cân đối tài chính dài hạn, khả năng thanh toán, xác định và lập kế hoạch xử lý các rủi ro tiềm ẩn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hiện tại.

Bằng việc tái cơ cấu hoạt động của các Chi nhánh, đơn vị 100% và các công ty cổ phần chi phối, tăng cường năng lực sản xuất cho các doanh nghiệp trọng yếu bằng các dự án Tập đoàn đã đầu tư nhằm giảm thời gian đầu tư mới, tập trung quản trị sản xuất, Tập đoàn và các đơn vị đã tăng hiệu quả sử dụng tài sản và vốn một cách đáng kể trong năm 2018, làm bàn đạp để phát triển sản xuất trong các năm sắp tới.

Trong bối cảnh thị trường tài chính tiền tệ có nhiều biến động, Tập đoàn đã có những định hướng, chia sẻ và dự báo liên quan đến quản trị tài chính của doanh nghiệp để xác định phương án kinh doanh tối ưu trong điều kiện thị trường đang gia tăng cạnh tranh với Trung Quốc và doanh nghiệp FDI chuyển dịch đầu tư vào Việt Nam trong chiến tranh thương mại Mỹ -Trung với tiềm lực lớn về công nghệ, quản trị và tài chính.

Với điều kiện thị trường có nhiều bất lợi, kết quả SXKD toàn Tập đoàn vẫn có tăng trưởng tốt, đồng thời tình hình tài chính ổn định và an toàn. Các chỉ số tài chính cụ thể như sau:

TÊN CHỈ SỐ	Năm 2017	Năm 2018	So sánh
I. Chỉ tiêu thanh khoản			
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,27	1,20	94,5%
2. Hệ số thanh toán nhanh	0,78	0,65	83,3%
II. Chỉ tiêu hoạt động			
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,83	0,87	104,8%
2. Hệ số luân chuyển hàng tồn kho	4,5	3,98	88,4%
3. Hệ số luân chuyển các khoản phải thu	4,32	4,84	112,0%
4. Vòng quay Vốn lưu động	1,8	1,8	100,0%
III. Khả năng tự chủ tài chính			
1. Hệ số nợ phải trả / Tổng tài sản	0,63	0,63	100,0%
2. Hệ số Nợ ngắn hạn / Vốn chủ sở hữu	0,96	1,10	114,6%
3. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,68	1,74	103,6%
IV. Hệ số khả năng sinh lời			
1. ROA	3,28%	3,21%	97,9%
2. ROE	8,93%	8,92%	99,9%
V. Hệ số khác			
1. EPS (thu nhập trên 1 cổ phiếu thường)	1.370	1.405	102,6%
2. BV: book value	15.643	15.992	102,2%

3.2.4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Để khai thác hiệu quả nguồn vốn, năm 2018 Tập đoàn và các đơn vị thành viên không mở rộng về quy mô đầu tư mới, chủ yếu tập trung vào các dự án đầu tư chiều sâu, nâng cấp máy móc thiết bị hiện có, đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng và khai thác hiệu quả các dự án đã hoàn thành ở giai đoạn trước. Đồng thời, Tập đoàn tập trung nghiên cứu mô hình đầu tư nhà máy ứng dụng công nghệ 4.0 để chuẩn bị cho chu kỳ đầu tư tiếp theo.

Tổng mức đầu tư là 2.407,7 tỷ đồng trong đó Công ty mẹ Tập đoàn không thực hiện dự án đầu tư mới, có 31 dự án đầu tư do các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư bao gồm 10 dự án đã hoàn thành, 12 dự án chuyển tiếp và 9 dự án khởi công mới. Thực hiện giải ngân đạt 80% kế hoạch đạt 590,6 tỷ đồng, cụ thể:

Có 13 dự án đầu tư chiều sâu, bổ sung nâng cấp, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị với tổng mức đầu tư là 353,1 tỷ đồng.

Đối với ngành sợi: có 2 dự án đầu tư mới bao gồm 1 dự án của Tổng công ty CP Dệt may Hòa Thọ đang trong giai đoạn hoàn thiện, 1 dự án của Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 quy mô 2 vạn cọc sợi đã hoàn thành cuối năm 2018 và hiện đã đưa vào vận hành.

Đối với ngành vải, dệt nhuộm: có 2 dự án với tổng mức đầu tư là 834,4 tỷ đồng trong đó có 1 dự án mới của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân, nâng sản lượng thêm 300 tấn.

Đối với ngành may: có 1 dự án mới của Công ty CP Dệt may Huế, tăng thêm 3 triệu sản phẩm.

Do tình hình thị trường và định hướng đầu tư trong năm 2019, một số dự án tạm dừng thực hiện trong năm 2018 như: dự án đầu tư nhà máy dệt vải Denim Nha Trang, dự án đầu tư thay thế thiết bị máy đánh cone 60 cọc của Tổng công ty CP Phong Phú, dự án đầu tư nhà máy dệt của Tổng công ty CP Dệt may Nam Định.

Các dự án của Tập đoàn đã hoàn thành trong giai đoạn 2016- 2017 đang trong giai đoạn ổn định sản xuất và đã có hiệu quả SXKD khả quan. Các dự án chuyển tiếp của các đơn vị thành viên đang trong quá trình hoàn thiện theo kế hoạch đã được phê duyệt.

CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Năm 2018, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá một số dự án đầu tư do các đơn vị thành viên có tỉ lệ vốn chi phối trên 51% và đã thực hiện 80% kế hoạch. Dự kiến tiếp tục hoàn thành kế hoạch 2018 còn lại, xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư cho năm 2019.

CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Trong năm 2018, đối với nhóm dự án do Tập đoàn làm chủ đầu tư, các dự án đã hoàn thành quyết toán: May Tuyên Quang, Bạc Liêu, Sợi Phú Cường, YarnDyed, Cải tạo sửa chữa tòa nhà 25 Bà Triệu. Các dự án đang trong quá trình quyết toán: May Cần Thơ, May Quế Sơn.

Đối với nhóm dự án của các đơn vị thành viên, các dự án đã hoàn thành quyết toán: Sợi Yên Mỹ (Dệt 8/3), đầu tư xây dựng khối lớp học - giảng đường - hành chính (trường CĐ KTKT Vinatex - TP. HCM).

3.2.5. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Để nâng cao năng lực quản trị, điều hành, Tập đoàn đã bổ nhiệm 02 Phó Tổng giám đốc bổ sung 02 vị trí cán bộ nghỉ hưu năm 2018, bổ nhiệm 01 Giám đốc điều hành chuyên trách khu vực miền Trung và 01 Trưởng ban Tài chính kế toán Tập đoàn. Các cán bộ được bổ nhiệm đều đã có nhiều năm kinh nghiệm trong các vị trí quản lý tại các doanh nghiệp Dệt May và tại Tập đoàn

Để có cơ sở lựa chọn, quy hoạch, bố trí sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ lâu dài, Tập đoàn đã tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ quản lý, điều hành Tập đoàn. Nội dung đánh giá căn cứ vào phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực thực tiễn của cán bộ. Qua kết quả lấy phiếu tín nhiệm tại Hội nghị cán bộ chủ chốt, hầu hết cán bộ quản lý,

điều hành Tập đoàn đều đạt mức tín nhiệm cao và tín nhiệm. Trong năm 2018, Tập đoàn cũng tổ chức nhiều lớp đào tạo Giám đốc xí nghiệp Dệt May để bổ sung nguồn cán bộ quản lý nhà máy trong giai đoạn tới.

Hoạt động đào tạo nhân lực năm 2018 của các trường về quy mô có nhiều khởi sắc như trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội, trường Cao đẳng KT-KT Vinatex TP Hồ Chí Minh đều tăng về số lượng so với năm 2018 theo tỷ lệ lần lượt đạt là 169,1%, và 102%. Quy mô đào tạo hệ Đại học tăng dần qua các năm nhờ có sự chuẩn bị bài bản và khoa học của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội trong công tác tuyển sinh. Năm 2018 tuyển sinh được 1.186 sinh viên hệ đại học, tăng 23% năm 2017.

3.3. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHO NĂM 2019

3.3.1. MỤC TIÊU

Kế hoạch sản xuất kinh doanh công ty mẹ năm 2019:

<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>				
STT	Nội dung	TH 2018	KH 2019	So sánh
1	Tổng doanh thu	1.489.978	1.278.015	85,8%
2	Chi phí	1.144.601	897.423	78,4%
3	LNTT	345.377	380.592	110,2%
4	Tỷ suất LNTT/VĐL	6,91%	7,61%	110,1%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	6,00%	6,00%	100,0%
6	Vốn điều lệ	5.000.000	6.015.362	120,3%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2019

<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>				
STT	Nội dung	TH 2018	KH 2019	So sánh
1	Tổng doanh thu	20.246.631	22.185.000	109,6%
2	Chi phí	19.485.230	21.346.000	109,5%
3	LNTT	761.401	839.000	110,2%
4	Tỷ suất LNTT/CSH	9,56%	10,54%	110,3%

3.3.2. GIẢI PHÁP

Về quản trị điều hành

Triển khai hệ thống điện toán đám mây để hình thành cơ sở dữ liệu sản xuất kinh doanh từ các đơn vị thành viên theo thời gian thực, từ đó đưa ra các tiêu chuẩn, giúp các đơn vị thành viên có cơ sở để so sánh, thực hiện chu trình chuẩn, ngày càng nâng cao năng lực của doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai công tác hình thành liên kết chuỗi sợi - vải nhằm đáp ứng được yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các FTA, tận dụng được lợi thế về giảm thuế.

Về thị trường

Tiếp tục tổ chức các đoàn xúc tiến xuất khẩu tới các thị trường tiềm năng thuộc CPTPP, Châu Âu với quan điểm gặp gỡ, trao đổi đúng khách hàng trọng tâm, chào hàng đúng với nhu cầu của khách hàng, mang đến cho khách hàng thông tin và dịch vụ tốt nhất. Đối với các FTA đã có hiệu lực như Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam - Liên minh kinh tế Á Âu, tiếp tục đẩy mạnh công tác thị trường tại các quốc gia tham gia Hiệp định để tận dụng lợi thế về giảm thuế.

Theo dõi sát sao tình hình biến động chính trị, kinh tế thế giới ảnh hưởng đến Dệt may để kịp thời đưa ra phương án, chiến lược đối phó kịp thời. Các đơn vị cần chủ động có chiến lược rõ ràng và cụ thể đối với các xu hướng và kịch bản nếu chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục leo thang.

Về tài chính, nguồn vốn

Xây dựng môi trường tài chính để hỗ trợ các doanh nghiệp hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn, dự phòng được lãi suất và tỷ giá.

Nghiên cứu, đề xuất biện pháp quản lý tốt các đơn vị vay vốn đảm bảo thu hồi công nợ. Cụ thể:

- Xây dựng hệ thống tài khoản trung tâm thu hồi nợ: làm việc với ngân hàng thương mại uy tín xây dựng chính sách ưu đãi về lãi suất tiền gửi cũng như lãi suất cho vay áp dụng đối với các đơn vị tham gia tài khoản tập trung.

- Xây dựng quy chế quản lý sử dụng tài khoản trung tâm.

Về Đầu tư

Đầu tư thận trọng các dự án mới để đánh giá lại tình hình thị trường và cơ hội đầu tư (VD: Sợi Nam Định 2, Sợi Phú Hưng 2, Dệt May Nam Định...). Tìm kiếm công nghệ mới phù hợp với xu thế.

Tập trung đầu tư chiều sâu, phát triển bền vững, đổi mới kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm đối với các dây chuyền sản xuất sẵn có.

Đầu tư đúng công nghệ theo giai đoạn hiện nay, nâng cao năng suất qua tay nghề kỹ thuật cao của người lao động, qua hệ thống sản xuất, công nghệ hóa, đổi mới trong quản lý và tự động hóa từng bước, từng công đoạn sản xuất.

Về nguồn nhân lực

Liên tục cập nhật các chính sách mới về lao động, tiền lương, BHXH để hướng dẫn các doanh nghiệp triển khai, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, tối ưu hóa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực có khả năng hấp thụ thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tiếp tục mở các lớp đào tạo giám đốc xí nghiệp, cán bộ quản lý đơn hàng, quản lý chất lượng để nâng cao chất lượng nhân lực cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Về quản trị rủi ro


Tiếp tục triển khai giám sát đặc biệt theo hướng đánh giá nguyên nhân dẫn đến các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp thuộc diện cần giám sát (quy trình, quá trình triển khai đầu tư, bộ máy điều hành quản lý dự án sau đầu tư, xây dựng KH sản xuất kinh doanh...).

Nâng cao nhận thức và năng lực của Tập đoàn và các đơn vị thành viên về quản trị rủi ro, sớm nhận diện và xác định mức độ rủi ro theo nhóm ngành sợi - nhuộm hoàn tất - may nhằm giảm thiểu rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, ảnh hưởng đến chiến lược và kết quả SXKD của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

4

A large, light blue number '4' is centered on a dark blue background. The number is surrounded by several flowing, multi-lined blue ribbons that swirl and curve around it, creating a dynamic and abstract composition. The ribbons vary in thickness and color intensity, ranging from light to dark blue.

IV. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

1. Thông tin cổ phần
 2. Cơ cấu cổ đông
 3. Thông tin cổ đông lớn
 4. Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư
- 

Thông tin chi tiết về cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tính theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/12/2018 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp như sau:

1. THÔNG TIN CỔ PHẦN

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	500.000.000 cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	500.000.000 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	450.000.000 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	50.000.000 cổ phần

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH)	1	267.438.100	53,49%
2	Tổ chức	19	159.156.100	31,83%
2.1	Trong nước	15	94.055.300	18,81%
2.2	Nước ngoài	4	65.100.800	13,02%
3	Cá nhân	3.098	73.405.800	14,68%
3.1	Trong nước	3.073	73.303.480	14,66%
3.2	Nước ngoài	25	102.320	0,02%
Tổng		3.118	500.000.000	100,00%

3. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH) (*)	1	267.438.100	53,49%
2	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	1	50.000.000	10,00%
3	Công ty CP Đầu tư Phát triển VNTEX (**)	1	35.000.000	7,00%
4	Itochu Textile Prominent (ASIA) Limited	1	65.000.000	13,00%
5	Cá nhân	1	30.000.000	6,00%
	Tổng	5	447.438.100	89,49%

Ghi chú:

(*): Ngày 23/11/2018, Bộ Công Thương đã ký biên bản chuyển giao quyền đại diện vốn Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ Bộ Công Thương sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước - Công ty TNHH (SCIC).

(**): Ngày 30/01/2019, cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã hoàn tất việc chuyển nhượng 35 triệu cổ phần (tương đương 7% vốn điều lệ) và không còn là cổ đông lớn của Vinatex.

4. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Tập đoàn luôn duy trì việc giải đáp thắc mắc, cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích và các bên liên quan để bảo đảm tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng. Tập đoàn cam kết công bố và minh bạch hóa thông tin, cung cấp cho cổ đông và nhà đầu tư các thông tin kịp thời, chính xác theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin đã ban hành. Tập đoàn được Sở giao dịch Chứng


khoán Hà Nội đánh giá là 1 trong 10 doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2017 - 2018.

Bộ phận Quan hệ cổ đông của Tập đoàn sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động tiếp nhận, phản hồi và cung cấp thông tin trên cơ sở các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán. Quý vị cổ đông, nhà đầu tư có thể liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ email: qhcd@vinatex.com.vn.



V.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chính sách liên quan đến người lao động
 2. Môi trường và năng lượng
 3. Hoạt động cộng đồng
 4. Quản trị rủi ro
- 

1. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

1.1. SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2018



Số lượng lao động:

84.185 người



Thu nhập bình quân:

7,55 triệu đồng/người/tháng
tăng 7,7% so với năm 2017

Trong năm 2018, toàn Tập đoàn đã tạo việc làm ổn định, đảm bảo cải thiện tiền lương và thu nhập cho 84.185 lao động. Năng suất lao động bình quân theo doanh thu đạt 578 triệu đồng/người/năm, tăng 7,5% so với năm 2017.

Năm 2018, cùng với chính sách tăng lương tối thiểu vùng, chi phí tiền lương và các chi phí liên quan đến việc trích nộp bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), kinh phí Công đoàn cũng tăng theo nhưng Tập đoàn và các doanh nghiệp vẫn phấn đấu đảm bảo tiền lương, cải thiện thu nhập cho người lao động với thu nhập bình quân là 7,55 triệu đồng/người/tháng, tăng 7,7% so với năm 2017.

1.2. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1.2.1. ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, QUAN TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngoài việc tạo công ăn, việc làm, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên luôn quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm lo sức khỏe cho người lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí, được huấn luyện về công tác an toàn lao động, kỹ thuật vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Các đơn vị có nhiều lao động đều có phòng Y tế tư vấn sức khỏe, sơ cấp cứu kịp thời. Tập đoàn có Trung tâm Y tế quản lý toàn bộ hệ thống Y tế tại các đơn vị thành viên và Bệnh viện Dệt May phục vụ công tác chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh lý nhất là những bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp để kịp thời điều trị cho người lao động. Các trường hợp ốm đau đều được thăm hỏi, động viên kịp thời và được trợ cấp ốm đau từ quỹ Công đoàn và doanh nghiệp.

1.2.2. DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Ngoài việc chấp hành tốt pháp luật lao động, thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước. Tập đoàn và các đơn vị còn có nhiều chính sách phúc lợi tự nguyện, phúc lợi bổ sung cho người lao động như phụ cấp điện thoại, xăng xe, xe đưa đón, ăn trưa, nhà ở... Hầu hết các nhà máy của các đơn vị thuộc Tập đoàn tổ chức xây dựng nhà ăn và tự tổ chức nấu ăn phục vụ ăn ca, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số đơn vị thành viên của Tập đoàn đã tổ chức xây dựng các khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên chưa có nhà ở thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ nhân viên tự thuê nhà; tổ chức nhà giữ trẻ cho người lao động yên tâm công tác; tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi - con CBCNV nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích cao trong học tập.



Hàng năm Tập đoàn và các đơn vị tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát, du lịch để phục hồi sức khỏe sau thời gian lao động căng thẳng, tái tạo sức lao động và tạo sự giao lưu đoàn kết, gắn bó trong doanh nghiệp.

Trong năm 2018, một số doanh nghiệp trong Tập đoàn nhờ cải tiến công tác quản trị, tiết kiệm được chi phí nên có nguồn để cải thiện chính sách phúc lợi cho người lao động như tổ chức bữa ăn sáng tại doanh nghiệp, khai thác nguồn rau an toàn để bán cho người lao động, triển khai mô hình trồng rau sạch cung cấp cho bữa ăn giữa ca và đưa vào siêu thị bán cho người lao động với giá chỉ bằng 50% so với giá thị trường. Việc áp dụng các chính sách phúc lợi tự nguyện của doanh nghiệp đã góp phần đảm bảo sức khỏe, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp.

1.3. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG



Người lao động là nguồn lực, là yếu tố quyết định sự phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy Tập đoàn và các đơn vị thành viên rất quan tâm đến chính sách đào tạo, xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi, lao động lành nghề, khuyến khích và tài trợ cho người lao động tham dự các khóa đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển sự nghiệp của mỗi cá nhân, tạo cơ hội cho người lao động trải nghiệm công việc khác nhau để đào tạo thực tế. Người lao động vào làm việc tại các vị trí sản xuất được học nghề, tập nghề sau khi tuyển dụng và sắp xếp công việc, được huấn luyện, đào tạo về an toàn lao động.

Bên cạnh việc tự tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, Trung tâm Đào tạo cán bộ quản lý của Tập đoàn phối hợp với 3 Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Tập đoàn, các Ban chức năng của Tập đoàn và các cơ sở đào tạo có uy tín tổ chức nhiều khóa đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội

thảo chuyên ngành để bổ sung kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật của Tập đoàn và các đơn vị thành viên với số lượng đào tạo trên 300 lượt người/năm.

Với những chính sách quan tâm đến an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cùng các chính sách phúc lợi của Tập đoàn và các đơn vị đã tạo nguồn động viên, hỗ trợ cả về vật chất lẫn tinh thần để người lao động hăng say lao động, an tâm gắn bó lâu dài cùng sự phát triển của doanh nghiệp.

2. MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

2.1. CHÍNH SÁCH VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) được xây dựng trên các nền tảng về con người, sản phẩm và tài nguyên thiên nhiên. Đây là một trong những chính sách quan trọng của Tập đoàn - Lãnh đạo Tập đoàn coi đây là một trong những tôn chỉ trong kinh doanh - Việc triển khai tốt các chính sách này không chỉ giúp cho Tập đoàn củng cố niềm tin với khách hàng, tăng năng lực cạnh tranh mà còn giúp Tập đoàn tạo được sự gắn kết trong nội bộ, trong cộng đồng địa phương nơi Tập đoàn đặt các cơ sở sản xuất kinh doanh.

2.2. CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Phạm vi quản lý các hoạt động liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường của Tập đoàn là những đơn vị >51% vốn (theo quy định trong Chính sách về MT&TNXH (ESMS) của Tập đoàn)

2.2.1. QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Sản phẩm của đơn vị này là nguyên liệu đầu vào của đơn vị khác, vì vậy các loại nguyên liệu chính được sử dụng để sản xuất như sau:

Loại nguyên liệu	Bông xơ (tấn/năm)	Sợi (tấn/năm)	Vải dệt thoi (1000m ² /năm)	Vải dệt kim (tấn/năm)
Số lượng	134,125.4	132,797.5	34,061.3	8,327.4



Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

- Đối với bông, xơ phế: tỷ lệ tái chế đạt 100%. Tất cả các bông xơ phế đều được tái chế cho các mục đích khác nhau, ví dụ như: làm giá thể trồng nấm, chuyển giao cho các đơn vị khác sản xuất sợi OE để tạo ra các mặt hàng như khăn, vải jean,...

- Đối với vải vụn, vải thừa: tỷ lệ tái chế đạt 100%.

2.2.2. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp (sử dụng nhiên liệu hóa thạch: than, dầu,...) và gián tiếp (sử dụng điện) năm 2018 lần lượt là: 12.057,2 và 52.209,0 TOE, giảm so với mức tiêu thụ năm 2017. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:



Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp năm 2017 lần lượt là:

12.057,2 TOE và: 52.209,0 TOE

Sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu,...)

Sử dụng điện

- Giảm việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tăng việc sử dụng năng lượng sinh khối (củi, trấu ép, vỏ điều,...) và năng lượng tái tạo (điện mặt trời)

- Tăng cường các giải pháp tiết kiệm năng lượng như: lắp biển tần, vệ sinh máy móc thường xuyên, bảo trì thiết bị, cải tiến kỹ thuật,...

- Nâng cao ý thức của người lao động trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

2.2.3. TIÊU THỤ NƯỚC:



(mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2018):

2.569.051,5 m³

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng từ nhiều nguồn cung cấp khác nhau: nước ngầm, nước thủy cục, nước sạch từ các nhà máy tại địa phương, nước cấp từ khu công nghiệp,...

Nước tái sử dụng là nước ngưng. Nước sau xử lý đạt nguồn loại A, B có thể sử dụng làm nước vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây trồng, cảnh quan môi trường,...

2.2.4. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Trong phạm vi hoạt động của công ty mẹ Tập đoàn, năm 2018 đều tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

3.1. CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI, TỪ THIỆN

Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn quan tâm, chú trọng đến việc chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng bằng nhiều hoạt động.

Năm 2018, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên đã chung tay tổ chức thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội, từ thiện như: tặng áo ấm, thực phẩm, quà tết cho đồng bào các vùng khó khăn trên khắp cả nước; trợ cấp khó khăn, ốm đau cho công nhân; hỗ trợ gia đình chính sách; xây dựng nhà tình nghĩa; hiến máu nhân đạo, tham gia chương trình “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” và nhiều hoạt động thiết thực khác.

Tổng số tiền đóng góp cho công tác an sinh xã hội năm 2018 của Tập đoàn và các đơn vị thành viên hơn 26 tỷ đồng



3.2. THAM GIA NGÀY HỘI HIẾN MÁU NHÂN ĐẠO

Hưởng ứng chương trình Hiến máu nhân đạo, năm 2018, Tập đoàn phối hợp với, Công đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị đã phát động cán bộ công nhân viên tích cực tham gia hiến máu nhân đạo tại Bệnh viện Việt Đức, Viện Huyết học & Truyền máu Trung ương (phía Bắc) và Trung tâm truyền máu bệnh viện Chợ Rẫy (phía Nam), đây là một hoạt động thiết thực, ý nghĩa và mang tính nhân văn sâu sắc, giúp sẻ chia với những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.



4. QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2018 là năm với nhiều thử thách trong việc hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro (“QTRR”) theo mô hình đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tư vấn thiết lập theo thông lệ quốc tế và cũng đề ra phương hướng phát triển cho hệ thống này trong năm tiếp theo.

Về cơ cấu: Vinatex đã thiết lập một hệ thống QTRR với vai trò và trách nhiệm phù hợp với mô hình thực tế của Vinatex nhằm đảm bảo việc QTRR được thực hiện hiệu quả. Ban Quản trị rủi ro đã được thành lập trên cơ sở Ban Kiểm soát nội bộ và được điều hành quản lý trực tiếp bởi Tổng giám đốc Vinatex.

Về hệ thống tài liệu: Vinatex ban hành chính thức Quy trình QTRR theo Iso 31000:2009. Đồng thời, Hồ sơ rủi ro bao gồm các báo cáo, Danh mục rủi ro theo từng ngành “Sợi - Dệt nhuộm - May” và theo 4 lĩnh vực “Chiến lược - Tài chính - Tuân thủ - Hoạt động” đã bước đầu được hình thành để theo dõi, giám sát liên tục trong việc triển khai công tác QTRR tại Vinatex.

4.1. CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO ĐÃ TRIỂN KHAI NĂM 2018

- Về triển khai Quản trị rủi ro theo thông lệ Quốc tế:

- Hoàn thành triển khai thí điểm tại Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên; Lãnh đạo các doanh nghiệp đều ghi nhận và quyết tâm thực hiện công tác QTRR như là một hoạt động thường nhật nhằm giảm thiểu rủi ro. Ngoài ra, Vinatex với vai trò giám sát triển khai đã yêu cầu các doanh nghiệp có báo cáo đánh giá tính hiệu quả của hoạt động Quản trị rủi ro cũng như sự phù hợp của mô hình khi đưa vào vận hành tại doanh nghiệp.

- Tiếp nối kết quả đạt được sau khi triển khai thí điểm, Vinatex tiếp tục triển khai mở rộng tại các Chi nhánh và đơn vị thành viên khác trong hệ thống.

- Truyền thông, xây dựng văn hóa QTRR thông qua các buổi hội thảo và phổ biến quy trình QTRR trên các kênh truyền thông chính thức của Vinatex.

- Về công tác kiểm tra, giám sát:

- Thực hiện giám sát, đánh giá định kỳ về rủi ro, hiệu quả đầu



Về tổ chức và nguồn lực: Vinatex đang từng bước xây dựng hệ thống QTRR xuyên suốt tất cả các lĩnh vực hoạt động tương ứng là các rủi ro được nhận diện và có các chương trình hành động để xử lý rủi ro tại mỗi đơn vị chức năng quản lý rủi ro. Vinatex có một đội ngũ Điều phối viên rủi ro đóng vai trò kết nối việc quản lý rủi ro của từng lĩnh vực, từng đơn vị với Ban QTRR.

tư tài chính dài hạn của các đơn vị có vốn đầu tư của Vinatex từ 30% trên Vốn điều lệ.

- Triển khai công tác giám sát đặc biệt đối với một số đơn vị có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinatex. Các đơn vị này cần hỗ trợ xử lý các tồn tại nhằm đảm bảo an toàn tài chính, hạn chế và phòng ngừa rủi ro, tập trung phát triển sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững. Đồng thời, xây dựng phương án khắc phục khó khăn tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị theo nội dung chương trình giám sát.

4.2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2019

Vinatex sẽ luôn nỗ lực để đảm bảo QTRR là một công cụ quản trị doanh nghiệp đặc lực, mang lại giá trị cao nhất cho Cổ đông và các bên có liên quan.

Vinatex sẽ tiếp tục triển khai nhân rộng QTRR theo thông lệ Quốc tế trong hệ thống và duy trì tính cập nhật, phù hợp của các phương pháp triển khai cũng như kỹ thuật đánh giá rủi ro để áp dụng một cách hiệu quả tại Vinatex.



VI. BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Giấy chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số

0100100008

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản Trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên

Cơ Quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)
	Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/12/2018)
Ông Lê Mạc Thuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)
	Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/12/2018)
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/2/2018)
Ông Nguyễn Đức Trị	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/1/2019)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 82.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 433.820 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 353.406 triệu VND). Phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hưởng như đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 78.617 triệu VND (2017: 41.502 triệu VND). Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho năm kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể được xác định là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a), 3(b) và 3(d)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại các Thuyết minh 2(a), 3(b) and 3(d)(iv) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- Thuyết minh 7(c) và 24(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị số sách của khoản phải nộp là 360.510 triệu VND (1/1/2018: 363.057 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Các vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00202-19-2



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2019

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.547.264.170.794	9.474.983.419.484
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.591.051.847.226	1.496.319.038.319
Tiền	111		300.809.348.604	314.803.881.248
Các khoản tương đương tiền	112		1.290.242.498.622	1.181.515.157.071
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		530.964.535.704	720.376.522.818
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	-	47.062.178.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	530.964.535.704	673.314.344.818
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.281.098.485.161	3.220.244.858.253
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.327.069.170.076	2.054.321.190.242
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		201.282.072.077	452.436.893.222
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	172.522.442.156	162.127.442.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	903.786.266.023	846.040.724.198
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(324.757.707.864)	(296.217.456.995)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.196.242.693	1.536.065.430
Hàng tồn kho	140	12	4.843.699.346.538	3.637.394.757.076
Hàng tồn kho	141		4.963.162.189.914	3.729.895.641.565
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(119.462.843.376)	(92.500.884.489)
Tài sản ngắn hạn khác	150		300.449.956.165	400.648.243.018
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	26.685.313.545	33.896.041.635
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		258.541.452.805	336.698.263.287
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	15.223.189.815	30.053.938.096

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		11.347.596.521.884	11.431.176.976.389
Các khoản phải thu dài hạn	210		562.967.514.004	825.796.101.240
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.538.300.000	7.622.700.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	675.751.808.800	937.495.996.036
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(119.322.594.796)	(119.322.594.796)
Tài sản cố định	220		7.365.097.360.609	6.570.669.864.509
Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.178.171.661.284	6.393.049.968.080
<i>Nguyên giá</i>	222		13.636.054.984.364	12.236.634.594.087
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.457.883.323.080)	(5.843.584.626.007)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	54.262.989.793	44.906.094.256
<i>Nguyên giá</i>	225		63.165.850.569	55.877.351.986
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(8.902.860.776)	(10.971.257.730)
Tài sản cố định vô hình	227	15	132.662.709.532	132.713.802.173
<i>Nguyên giá</i>	228		170.074.055.243	165.599.933.067
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(37.411.345.711)	(32.886.130.894)
Bất động sản đầu tư	230	16	178.515.423.788	166.252.445.854
<i>Nguyên giá</i>	231		211.317.729.648	194.203.816.464
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(32.802.305.860)	(27.951.370.610)
Tài sản dở dang dài hạn	240		690.509.110.384	1.292.091.470.162
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	690.509.110.384	1.292.091.470.162
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.142.822.165.620	2.124.528.222.477
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	1.919.384.959.300	1.888.606.874.259
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	245.927.489.068	251.716.814.537
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(25.795.282.748)	(21.700.466.319)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	3.305.000.000	5.905.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		407.684.947.479	451.838.872.147
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	398.023.838.864	430.050.234.807
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	5.993.370.726	5.715.060.012
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	607.358.933
Lợi thế thương mại	269	20	3.086.378.956	15.466.218.395
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.894.860.692.678	20.906.160.395.873

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.898.761.746.966	13.084.847.897.467
Nợ ngắn hạn	310		8.778.639.941.963	7.474.895.414.897
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.312.440.236.730	1.160.954.234.781
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		189.207.720.335	106.429.353.496
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	82.331.611.264	83.482.313.067
Phải trả người lao động	314		588.180.295.163	452.951.659.183
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	112.421.333.997	108.710.655.223
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.990.211.459	7.888.880.246
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	604.149.072.236	572.775.002.858
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	5.727.826.476.476	4.826.475.573.943
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	151.092.984.303	155.227.742.100
Nợ dài hạn	330		5.120.121.805.003	5.609.952.482.570
Phải trả người bán dài hạn	331	21	-	26.861.482.870
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		15.294.587.874	19.932.033.609
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	24.665.472.000	25.614.144.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	233.241.961.588	213.353.268.541
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	87.081.581.052	103.509.223.552
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	4.633.405.784.037	5.088.480.662.528
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	55.700.980.180	61.104.288.874
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	70.676.377.590	70.982.251.715
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		55.060.682	115.126.881

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	29	7.996.098.945.712	7.821.312.498.406
Vốn chủ sở hữu	410		7.965.717.920.710	7.788.889.846.384
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(740.362.454.896)	(742.835.089.736)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	526.746.543.959	494.461.905.677
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	10.981.645.059
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		657.194.845.550	569.477.391.709
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		219.098.282.370	183.521.885.595
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		438.096.563.180	385.955.506.114
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	550.677.792.232	550.677.792.232
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.899.300.912.234	1.833.965.919.812
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		30.381.025.002	32.422.652.022
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		30.381.025.002	32.422.652.022
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		21.894.860.692.678	20.906.160.395.873

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	19.136.157.649.993	17.468.652.438.905
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	34.691.517.825	22.108.638.963
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		19.101.466.132.168	17.446.543.799.942
Giá vốn hàng bán	11	36	17.300.466.741.035	15.854.507.030.477
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.800.999.391.133	1.592.036.769.465
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	324.434.230.857	317.894.919.942
Chi phí tài chính	22	38	643.885.452.531	406.266.228.809
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>457.300.477.034</i>	<i>356.407.134.776</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		672.651.827.830	545.092.625.913
Chi phí bán hàng	25	39	536.563.116.186	546.608.882.782
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	893.995.286.779	870.496.583.100
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		723.641.594.324	631.652.620.629
Thu nhập khác	31	41	148.078.810.827	155.013.424.872
Chi phí khác	32	42	110.319.717.305	38.196.201.873
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		37.759.093.522	116.817.222.999
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		761.400.687.846	748.469.843.628
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	64.466.255.476	65.096.360.754
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	44	(5.681.619.408)	(1.800.056.762)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		702.616.051.778	685.173.539.636

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)


Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		702.616.051.778	685.173.539.636
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		438.096.563.180	385.955.506.114
Cổ đông không kiểm soát	62		264.519.488.598	299.218.033.522
Lãi trên cổ phiếu		45		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		741	772
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		668	695

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:


Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán


Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		761.400.687.846	748.469.843.628
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		889.228.800.886	770.418.177.919
Các khoản dự phòng	03		46.620.875.859	40.136.391.626
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		55.050.933.836	(4.293.645.858)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(863.419.680.688)	(811.245.418.173)
Chi phí lãi vay	06		457.300.477.034	356.407.134.776
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.346.182.094.773	1.099.892.483.918
Biến động các khoản phải thu	09		360.406.483.399	74.176.195.439
Biến động hàng tồn kho	10		(1.242.540.078.258)	(448.816.094.841)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		372.489.000.250	(89.816.698.563)
Biến động chi phí trả trước	12		87.739.237.670	43.678.935.582
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		47.062.178.000	30.827.944.622
			971.338.915.834	709.942.766.157
Tiền lãi vay đã trả	14		(453.521.701.768)	(369.228.002.705)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(67.690.963.801)	(82.590.700.909)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		134.645.500	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(96.300.789.943)	(105.703.376.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		353.960.105.822	152.420.686.176

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.269.041.704.979)	(1.685.881.799.684)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		25.956.046.623	34.139.540.984
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(162.199.935.935)	(367.062.257.060)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		301.300.245.049	582.403.023.029
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(28.722.417.582)	(95.708.331.911)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		178.751.852.260	168.861.954.095
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		643.791.028.496	460.991.284.201
Ảnh hưởng thuận của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm		5	10.224.188.780	13.665.988.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(299.940.697.288)	(888.590.597.603)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		14.840.260.000	20.893.610.000
Tiền thu từ đi vay	33		12.056.138.855.595	15.768.135.886.323
Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.663.549.437.555)	(14.658.445.805.365)
Tiền trả cổ tức	36		(368.119.804.083)	(396.211.874.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39.309.873.957	734.371.816.643

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		93.329.282.491	(1.798.094.784)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.496.319.038.319	1.496.458.060.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.403.526.416	1.659.072.131
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	1.591.051.847.226	1.496.319.038.319

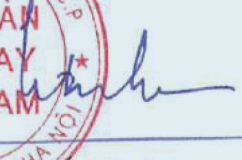
Ngày 5 tháng 4 năm 2019


Người lập:


Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán


Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC - TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;

- Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 46 công ty con và 31 công ty liên kết (1/1/2018: 50 công ty con và 32 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	16	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	22	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	8	Xem Phụ lục 3
	46	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	31	Xem Phụ lục 4
	77	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 37.278 nhân viên (1/1/2018: 40.316 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vẫn còn có ảnh hưởng đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được mô tả dưới đây.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau: Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dùng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ cùng giảm 9.088 triệu VND (1/1/2018: 12.116 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm và tăng cùng một giá trị là 3.029 triệu VND (2017: 3.029 triệu VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản khác	4 - 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

(k) Bất động sản đầu tư

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	10 - 50 năm
Hạ tầng khu công nghiệp	4 - 45 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Nhu đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(viii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(o) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(s) Thuế

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND
Năm 2018	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.481.824.749.470
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.941.982.943.364
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	19.423.807.692.834
Phần lãi trong công ty liên kết	632.916.058.753
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	772.760.351.488
Thu nhập khác	161.241.137.852
Chi phí khác	(113.881.074.845)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(46.349.824.273)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(208.296.954)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	773.562.293.268
Tại ngày 31/12/2018	
Tài sản của bộ phận	23.867.489.518.961
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650
Tổng tài sản	25.341.192.636.611
Tổng nợ phải trả	14.629.635.922.217
Năm 2018	
Chi tiêu vốn	1.222.609.288.542
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	819.647.548.249
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	3.696.927.763
Khấu hao tài sản cố định vô hình	5.201.694.482
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.741.314.611

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
	1.334.063.647.441	1.285.577.735.257	-	19.101.466.132.168
	197.568.943.818	17.556.443.621	(3.157.108.330.803)	-
	1.531.632.591.259	1.303.134.178.878	(3.157.108.330.803)	19.101.466.132.168
	22.640.834.957	17.094.934.120	-	672.651.827.830
	(3.884.749.892)	90.177.590.380	(135.411.597.652)	723.641.594.324
	267.508.751	1.662.599.859	(15.092.435.635)	148.078.810.827
	(157.396.995)	(3.523.945.055)	7.242.699.590	(110.319.717.305)
	(759.952.619)	(17.356.478.584)	-	(64.466.255.476)
	-	-	5.889.916.362	5.681.619.408
	(4.534.590.755)	70.959.766.600	(137.371.417.335)	702.616.051.778
	290.604.031.400	2.219.906.416.495	(6.402.524.233.478)	19.975.475.733.378
	412.560.000	307.875.000	444.961.406.650	1.919.384.959.300
	291.016.591.400	2.220.214.291.495	(5.957.562.826.828)	21.894.860.692.678
	1.355.669.156.700	1.021.630.501.574	(3.108.173.833.525)	13.898.761.746.966
	1.273.104.546	113.767.312.417	(68.608.000.526)	1.269.041.704.979
	1.742.342.779	34.163.468.223	(2.877.724.793)	852.675.634.458
	-	-	-	3.696.927.763
	-	31.987.547	198.478.743	5.432.160.772
	207.734.004	3.098.299.234	121.120.253	5.168.468.102

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND
Năm 2017	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.296.107.009.785
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.044.536.895.422
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	17.340.643.905.207
Phần lãi trong công ty liên kết	520.773.120.080
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	607.802.375.747
Thu nhập khác	165.723.160.704
Chi phí khác	(53.538.832.058)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(44.254.654.474)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(1.451.567.836)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	674.280.482.083
Tại ngày 01/01/2018	
Tài sản của bộ phận	22.752.287.485.520
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650
Tổng tài sản	24.225.990.603.170
Tổng nợ phải trả	14.645.651.136.221
Năm 2017	
Chi tiêu vốn	1.518.897.259.349
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	671.359.616.377
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	6.388.429.852
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.740.243.010
Khấu hao bất động sản đầu tư	5.175.920.816

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
	1.709.458.063.604	1.440.978.726.553	-	17.446.543.799.942
	247.992.459.143	78.468.354.487	(3.370.997.709.052)	-
	1.957.450.522.747	1.519.447.081.040	(3.370.997.709.052)	17.446.543.799.942
	16.619.837.518	7.699.668.315	-	545.092.625.913
	(35.648.869.837)	76.216.930.212	(16.717.815.493)	631.652.620.629
	619.742.760	10.943.558.378	(22.273.036.970)	155.013.424.872
	(4.815.252.367)	(1.753.731.876)	21.911.614.428	(38.196.201.873)
	(495.315.269)	(20.346.391.011)	-	(65.096.360.754)
	-	-	3.251.624.598	1.800.056.762
	(40.339.694.713)	65.060.365.703	(13.827.613.437)	685.173.539.636
	338.778.653.975	2.213.971.206.938	(6.287.483.824.819)	19.017.553.521.614
	412.560.000	307.875.000	414.183.321.609	1.888.606.874.259
	339.191.213.975	2.214.279.081.938	(5.873.300.503.210)	20.906.160.395.873
	490.949.064.894	998.368.920.962	(3.050.121.224.610)	13.084.847.897.467
	24.644.967.163	156.710.325.284	(14.370.752.112)	1.685.881.799.684
	24.837.380.347	47.501.161.767	(27.133.777.307)	716.564.381.184
	-	-	-	6.388.429.852
	-	76.620.780	246.014.592	5.062.878.382
	179.539.734	6.570.142.400	(7.829.699.518)	4.095.903.432

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2018	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.925.996.174.684	13.175.469.957.484	19.101.466.132.168
Kết quả kinh doanh của bộ phận	422.447.093.221	1.378.552.297.912	1.800.999.391.133
Thu nhập không phân bổ			997.086.058.687
Chi phí không phân bổ			(2.074.443.855.496)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			723.641.594.324
Thu nhập khác			148.078.810.827
Chi phí khác			(110.319.717.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(58.784.636.068)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			702.616.051.778

Tại ngày 31/12/2018	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.449.317.872.006	754.275.662.283	2.203.593.534.289
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			19.691.267.158.389
Tổng tài sản			21.894.860.692.678
Nợ phải trả của bộ phận	848.798.926.031	668.143.618.908	1.516.942.544.939
Các khoản nợ không phân bổ			12.381.819.202.027
Tổng nợ phải trả			13.898.761.746.966

Năm 2017	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.437.391.769.465	12.009.152.030.477	17.446.543.799.942
Kết quả kinh doanh của bộ phận	652.145.912.735	939.890.856.730	1.592.036.769.465
Thu nhập không phân bổ			862.987.545.855
Chi phí không phân bổ			(1.823.371.694.691)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			631.652.620.629
Thu nhập khác			155.013.424.872
Chi phí khác			(38.196.201.873)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(63.296.303.992)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			685.173.539.636

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1/1/2018	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.194.873.751.749	1.015.666.874.720	2.210.540.626.469
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			18.695.619.769.404
Tổng tài sản			20.906.160.395.873
Nợ phải trả của bộ phận	917.355.238.076	396.821.866.680	1.314.177.104.756
Các khoản nợ không phân bổ			11.770.670.792.711
Tổng nợ phải trả			13.084.847.897.467

5. Thoái vốn đầu tư ở các công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà với giá trị ghi sổ là 22,5 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, giảm tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà từ 100% xuống còn 25%. Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex và của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 2,3 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này từ 79% xuống còn 36%. Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 4,5 tỷ VND cho các cổ đông khác.

Theo giấy ủy quyền ngày 1 tháng 8 năm 2014, hai cổ đông cá nhân nắm giữ 22% tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tương ứng của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam đã ủy quyền cho Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, là người đại diện theo ủy quyền, nhân danh và thay mặt hai cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông trong Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ trong Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam lên 54,14%. Theo thỏa thuận giữa các bên, văn bản ủy quyền đã hết hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do vậy, Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam không còn chịu quyền kiểm soát và trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Trong năm, Tập đoàn đã tiến hành giải thể một công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú.

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.819.811.220
Các khoản đầu tư ngắn hạn	400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	27.648.136.497
Hàng tồn kho	17.467.291.321
Tài sản ngắn hạn khác	474.421.785
Tài sản cố định	98.975.182.868
Tài sản dở dang dài hạn	52.970.136
Các khoản đầu tư dài hạn	4.682.979.826

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tài sản dài hạn khác	4.237.325.605
Nợ ngắn hạn	(73.233.789.026)
Nợ dài hạn	(25.075.166.232)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(26.296.361.854)
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	50.152.802.146
Lãi do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	1.845.786.691
Giá thanh lý	51.998.588.837
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát	(20.954.588.837)
Tiền thu được từ thoái vốn	31.044.000.000
Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(20.819.811.220)
Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con	10.224.188.780

Lãi phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Thuyết minh 37).

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	16.920.805.207	12.983.910.580
Tiền gửi ngân hàng	283.754.219.697	301.819.970.668
Tiền đang chuyển	134.323.700	-
Các khoản tương đương tiền	1.290.242.498.622	1.181.515.157.071
	1.591.051.847.226	1.496.319.038.319

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 7.562 triệu VND (1/1/2018: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 135.637 triệu VND (1/1/2018: 142.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31/12/2018				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	-	-	-

1/1/2018				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	6.919.185	47.062.178.000	51.893.887.500	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	530.964.535.704	543.493.025.325	673.314.344.818	684.321.092.644
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	1.105.000.000	(**)	4.905.000.000	(**)
Trái phiếu	2.200.000.000	(**)	1.000.000.000	(**)
	3.305.000.000		5.905.000.000	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 1% đến 7,3% (2017: từ 1% đến 7,2%) một năm.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,3% đến 6,7% (2017: từ 6,2% đến 6,6%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2018				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết				
Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	64.199.589.933	(*)
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	388.508.188.710	(*)
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	133.278.207.241	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	30.532.399.417	(*)
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	89.723.687.471	(*)
Công ty Cổ phần May Đức Giang	35,20%	35,20%	45.042.195.764	(*)
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	114.913.854.882	(*)
Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,40%	40,40%	85.375.621.301	(*)
Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	432.023.595.402	(*)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	141.253.222.287	(*)
Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			394.534.396.892	(*)
			1.919.384.959.300	

31/12/2018					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác					
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (***)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.612.151.035
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>					
Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
Các khoản đầu tư khác			204.995.374.093	(25.795.282.748)	(*)
			245.927.489.068	(25.795.282.748)	

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2018				
Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND		Giá trị hợp lý VND
33,82%	33,82%	63.109.850.824		(*)
30,40%	30,40%	358.401.200.761		(*)
46,93%	46,93%	191.737.465.836		(*)
27,00%	27,00%	30.072.867.458		(*)
27,69%	27,69%	87.465.848.519		(*)
35,20%	35,20%	41.480.458.036		(*)
35,01%	35,01%	98.233.343.941		(*)
30,00%	30,00%	85.229.836.420		(*)
17,86%	17,86%	353.406.378.107		(*)
22,05%	22,05%	142.760.307.656		(*)
		436.709.316.701		(*)
		1.888.606.874.259		

1/1/2018				
Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.007.704.600
6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
		210.784.699.562	(21.700.466.319)	(*)
		251.716.814.537	(21.700.466.319)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 205.403 triệu VND (1/1/2018: 206.403 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 26).

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.888.606.874.259	1.850.568.941.017
Tăng trong năm	21.404.807.582	10.397.506.108
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	672.651.827.830	545.092.625.913
Cổ tức được chia	(576.451.161.937)	(440.641.498.854)
Thanh lý các công ty liên kết	(85.812.886.145)	(68.730.438.809)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại một số công ty liên kết giảm	(1.014.502.289)	(4.380.261.116)
Khác	-	(3.700.000.000)
Số dư cuối năm	1.919.384.959.300	1.888.606.874.259

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	178.919.651.229	155.427.636.306
Phải thu các khách hàng khác	2.148.149.518.847	1.898.893.553.936
	2.327.069.170.076	2.054.321.190.242

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 418.212 triệu VND (1/1/2018: 339.286 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	68.972.221.743	61.133.310.622
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	67.594.048.784	68.330.000.504
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	42.316.046.239	-
Các công ty liên quan khác	37.334.463	25.964.325.180
	178.919.651.229	155.427.636.306

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	-	2.500.000.000
Các công ty liên quan khác	1.470.042.156	1.470.042.156
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	161.600.000.000	157.300.000.000
Các công ty khác	9.452.400.000	857.400.000
	172.522.442.156	162.127.442.156

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất dao động từ 6,5% đến 11% (2017: từ 6,5% đến 12,5%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	505.264.408.312	376.554.545.668
Phải thu lãi cho vay	130.356.488.347	171.464.480.347
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	20.000.000.000	45.655.996.176
Phải thu các khoản tạm ứng	50.363.943.192	38.438.829.241
Ký cược, ký quỹ	60.082.705.035	41.286.433.898
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	29.669.163.880	41.836.522.880
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	24.727.366.823	15.187.840.986
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	12.528.489.621	11.006.747.826
Phải thu người lao động	1.204.483.872	1.689.721.048
Phải thu về cổ phần hóa	-	6.123.199.277
Các khoản chi hộ	2.884.767.953	7.088.237.176
Phải thu tiền cho thuê đất trong KCN Dệt May Phố Nối B	1.572.731.629	3.649.410.571
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	5.793.421.544	2.924.339.219
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	11.480.107.451	15.721.527.834
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	-	1.375.785.827
Phải thu tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	-	1.300.000.000
Phải thu khác	44.615.637.274	61.494.555.134
	903.786.266.023	846.040.724.198

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	195.000.000.000	136.000.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.600.000.000	10.080.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	46.920.720.000	40.217.760.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	16.602.062.400	14.230.339.200
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	98.550.000.000	24.637.500.000
Các công ty liên quan khác	36.522.953.200	22.595.863.610
	406.195.735.600	247.761.462.810

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	268.532.895.759	434.257.522.603
Phải thu tiền bồi thường đất từ	119.322.594.796	119.322.594.796
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	208.451.853.740	286.448.868.412
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	44.963.966.346	47.039.359.714
Ký quỹ, ký cược dài hạn	34.480.498.159	50.427.650.511
Phải thu dài hạn khác	675.751.808.800	937.495.996.036

Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	225.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	43.532.895.759	43.532.895.759
Dự án Trung Thủy	-	13.480.695.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	-	127.243.931.844
	268.532.895.759	434.257.522.603

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2018				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	34.945.572.750	(34.945.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.343.792.764	(40.293.065.415)	50.727.349
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-
Các khách hàng khác	Trên 2 năm	227.110.520.085	(219.587.502.939)	7.523.017.146
		332.331.452.359	(324.757.707.864)	7.573.744.495
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		119.322.594.796	(119.322.594.796)	
Trong đó:				
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(324.757.707.864)	
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn			(119.322.594.796)	

12. Hàng tồn kho

31/12/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	241.188.774.983	-
Nguyên vật liệu	1.716.295.046.898	(25.800.856.949)
Công cụ và dụng cụ	13.333.729.930	(38.649.660)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.443.684.496.374	(6.432.009.319)
Thành phẩm	1.307.155.004.277	(85.233.153.971)
Hàng hóa	54.894.043.096	(1.958.173.477)
Hàng gửi đi bán	186.611.094.356	-
	4.963.162.189.914	(119.462.843.376)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 837.054 triệu VND (1/1/2018: 684.423 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 487.823 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2018: 140.129 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2018			
Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Trên 3 năm	35.500.072.750	(34.961.801.031)	538.271.719
Trên 3 năm	40.343.792.764	(39.966.906.135)	376.886.629
Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-
Trên 2 năm	224.633.245.898	(191.357.183.069)	33.276.062.829
	330.408.678.172	(296.217.456.995)	34.191.221.177
	119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
		(296.217.456.995)	
		(119.322.594.796)	

1/1/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	127.903.966.072	(420.248.993)
	1.215.794.223.309	(13.173.645.546)
	12.041.859.534	-
	1.313.480.764.813	-
	907.116.605.338	(76.690.032.363)
	44.712.721.460	(2.216.957.587)
	108.845.501.039	-
	3.729.895.641.565	(92.500.884.489)

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.314.192.507.950	8.359.806.984.347
Tăng trong năm	40.060.302.435	292.212.663.209
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	485.362.615.483	827.132.722.093
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	9.934.553.636
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(334.927.346)	(12.283.911.171)
Thanh lý	(3.282.329.999)	(154.663.722.474)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(79.139.828.235)	(80.682.539.842)
Phân loại lại	(4.802.887.899)	18.686.000.860
Số dư cuối năm	3.752.055.452.389	9.260.142.750.658

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.115.569.267.619	4.408.948.896.675
Khấu hao trong năm	159.854.327.671	633.800.053.094
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	5.765.324.717
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	(168.848.871)	(9.282.292.592)
Thanh lý	(1.412.156.279)	(137.078.749.206)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	(22.174.595.255)	(44.869.365.400)
Phân loại lại	(731.017.716)	2.775.524.385
Số dư cuối năm	1.250.936.977.169	4.860.059.391.673
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.198.623.240.331	3.950.858.087.672
Số dư cuối năm	2.501.118.475.220	4.400.083.358.985

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 1.702.144 triệu VND (1/1/2018: 1.729.352 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.821 triệu VND (1/1/2018: 5.672 triệu VND).

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
322.967.926.530	93.816.516.276	145.850.658.984	12.236.634.594.087
26.583.802.317	4.596.997.242	5.833.344.778	369.287.109.981
47.786.415.341	9.405.979.612	17.939.468.333	1.387.627.200.862
-	-	-	9.934.553.636
(42.000.000)	(1.470.354.234)	-	(14.131.192.751)
(12.911.421.438)	(8.429.155.531)	(911.933.565)	(180.198.563.007)
(8.804.878.494)	(1.134.074.914)	(3.337.396.959)	(173.098.718.444)
(12.512.009.731)	1.153.422.417	(2.524.525.647)	-
363.067.834.525	97.939.330.868	162.849.615.924	13.636.054.984.364

Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
185.565.871.178	52.048.728.271	81.451.862.264	5.843.584.626.007
34.143.396.681	7.888.006.451	16.989.850.561	852.675.634.458
-	-	-	5.765.324.717
(42.000.000)	(1.467.178.590)	-	(10.960.320.053)
(13.039.707.007)	(6.298.253.356)	(854.138.503)	(158.683.004.351)
(4.508.593.360)	(731.998.354)	(2.214.385.329)	(74.498.937.698)
(3.317.888.329)	1.697.440.689	(424.059.029)	-
198.801.079.163	53.136.745.111	94.949.129.964	6.457.883.323.080
137.402.055.352	41.767.788.005	64.398.796.720	6.393.049.968.080
164.266.755.362	44.802.585.757	67.900.485.960	7.178.171.661.284

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.746.807 triệu VND (1/1/2018: 4.849.985 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	54.678.623.440
Tăng trong năm	8.068.221.050
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.934.553.636)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.154.831.169
Số dư cuối năm	61.967.122.023
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	10.951.278.920
Khấu hao trong năm	3.577.054.903
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.765.324.717)
Số dư cuối năm	8.763.009.106
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	43.727.344.520
Số dư cuối năm	53.204.112.917

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	146.230.989.485
Tăng trong năm	3.641.795.200
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-
Thanh lý	(123.419.087)
Số dư cuối năm	149.749.365.598
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	21.359.515.116
Khấu hao trong năm	2.769.378.116
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-
Thanh lý	-
Số dư cuối năm	24.128.893.232
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	124.871.474.369
Số dư cuối năm	125.620.472.366

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 7.025 triệu VND (1/1/2018: 6.599 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phương tiện vận tải VND		Tổng cộng VND
	1.198.728.546	55.877.351.986
	-	8.068.221.050
	-	(9.934.553.636)
	-	9.154.831.169
	1.198.728.546	63.165.850.569
	19.978.810	10.971.257.730
	119.872.860	3.696.927.763
	-	(5.765.324.717)
	139.851.670	8.902.860.776
	1.178.749.736	44.906.094.256
	1.058.876.876	54.262.989.793

Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
17.683.114.671	1.685.828.911	165.599.933.067
1.202.261.451	315.832.689	5.159.889.340
720.000.000	-	720.000.000
(839.481.904)	-	(839.481.904)
(442.866.173)	-	(566.285.260)
18.323.028.045	2.001.661.600	170.074.055.243
10.912.747.057	613.868.721	32.886.130.894
2.493.735.868	169.046.788	5.432.160.772
(464.079.782)	-	(464.079.782)
(442.866.173)	-	(442.866.173)
12.499.536.970	782.915.509	37.411.345.711
6.770.367.614	1.071.960.190	132.713.802.173
5.823.491.075	1.218.746.091	132.662.709.532

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

16. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Hạ tầng khu công nghiệp VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	138.708.893.771
Tăng trong năm	51.652.384.945
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-
Giảm giá trị tương ứng với các hợp đồng cho thuê lại đất ghi nhận doanh thu một lần	(35.210.905.344)
Thanh lý	-
Số dư cuối năm	155.150.373.372
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.410.457.315
Khấu hao trong năm	2.977.178.981
Thanh lý	-
Số dư cuối năm	8.387.636.296
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	133.298.436.456
Số dư cuối năm	146.762.737.076

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
54.112.959.020	1.381.963.673	194.203.816.464
181.970.000	-	51.834.354.945
831.565.455	-	831.565.455
-	-	(35.210.905.344)
(341.101.872)	-	(341.101.872)
54.785.392.603	1.381.963.673	211.317.729.648
21.981.167.889	559.745.406	27.951.370.610
2.013.153.484	178.135.637	5.168.468.102
(317.532.852)	-	(317.532.852)
23.676.788.521	737.881.043	32.802.305.860
32.131.791.131	822.218.267	166.252.445.854
31.108.604.082	644.082.630	178.515.423.788

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định; và

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
Tăng trong năm	847.132.200.296	1.388.300.177.672
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.387.627.200.862)	(1.207.737.632.978)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	23.787.933.446
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(720.000.000)	(568.167.311)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(831.565.455)	(2.098.032.252)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(50.380.962.588)	(41.735.377.638)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(9.154.831.169)	-
Số dư cuối năm	690.509.110.384	1.292.091.470.162

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
- Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Nhà máy Sợi Nam Định	17.326.009.802	17.326.009.802
Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	6.714.821.764
Nhà máy May Tuyên Quang	-	10.205.514.823
Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	116.759.471.318	66.631.675.190
Nhà máy sợi 2	-	7.492.867.447
- Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
Nhà máy Sợi 2	214.563.787.967	25.081.766.428
- Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Dự án Nhà máy May	3.099.914.454	7.352.934.720
Văn phòng Ngô Thì Nhậm	36.669.233.014	33.091.419.029
Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.973.859.190	5.965.179.674
Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	30.768.928.375	36.539.190.329
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	12.493.091.904	12.493.091.904
- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	-	22.487.064.840
- Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Công trình Nhà máy May 4	-	25.586.075.448
Nhà máy Dệt Nhuộm	10.500.489.959	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Nhà máy Kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đồng Văn	-	13.541.906.107
- Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
Công trình xây dựng Công ty TNHH MTV Hà Nam Hanosimex	17.290.017.451	27.096.301.744
- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	577.844.086	337.053.941
Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.262.879.215	13.297.821.982
Xây dựng Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc		311.604.799.059
Các công trình khác	8.668.283.501	2.292.907.146
- Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	63.028.648.030	54.972.495.289
- Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	2.238.168.619
- Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
Thi công xây dựng Xưởng dệt Jacquard	-	1.307.130.682
Xưởng chuẩn bị	-	3.772.708.095
Máy móc thiết bị	7.587.033.077	12.814.921.061
Thi công hệ thống cơ điện dệt Ninh Thuận	-	5.068.821.524
Hệ thống xử lý nước thải Dệt - Nhuộm giai đoạn 2 mở rộng	-	7.514.461.613
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Phân xưởng may	5.217.294.875	4.454.392.728
Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	6.993.979.466	35.858.232.996
Dự án Khăn bông và Vải denim	16.139.806.496	273.345.490.172
Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	3.710.986.028	3.682.535.775
- Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex		
Nhà cửa	-	2.706.071.236
- Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex		
Nhà máy May Tuyên Quang	-	175.715.028.726
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối		
Hệ thống xử lý nước thải	16.061.813.845	8.555.268.633
- Công ty Cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan		
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	25.863.971.739	-
- Các công trình khác		
	55.713.597.973	54.947.341.636
	690.509.110.384	1.292.091.470.162

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 583.224 triệu VND (1/1/2018: 801.334 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 1.893 triệu VND (2017: 14.277 triệu VND).

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trả trước phí bảo hiểm	4.297.869.772	2.761.209.173
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	4.124.839.490	10.755.761.228
Công cụ dụng cụ	9.636.495.306	11.443.020.281
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.626.108.977	8.936.050.953
	26.685.313.545	33.896.041.635

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND
Số dư đầu năm	450.726.244	189.709.963.374	51.760.559.658	72.757.306.767
Tăng trong năm	-	7.855.261.575	1.473.863.635	37.488.672.695
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	29.577.366.825
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	3.170.872.698
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	(116.328.920)	(3.104.758.808)
Phân bổ trong năm	(450.726.244)	(9.875.770.352)	(32.504.824.826)	(62.512.820.427)
Phân loại lại	-	292.852.194	11.424.583.111	(644.217.895)
Số dư cuối năm	-	187.982.306.791	32.037.852.658	76.732.421.855

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
16.376.996.936	29.305.787.305	12.116.851.492	57.572.043.031	430.050.234.807
9.057.588.150	13.949.900.287	-	31.997.050.843	101.822.337.185
-	9.959.015.393	-	10.844.580.370	50.380.962.588
-	-	-	-	3.170.872.698
-	(77.538.731)	-	(938.699.146)	(4.237.325.605)
(10.582.268.765)	(20.383.704.182)	(3.029.212.872)	(43.823.915.141)	(183.163.242.809)
78.448.758	1.344.859.614	-	(12.496.525.782)	-
14.930.765.079	34.098.319.686	9.087.638.620	43.154.534.175	398.023.838.864

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	1.479.176.660	1.479.176.660
Các khoản mục khác	20%	4.514.194.066	4.235.883.352
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.993.370.726	5.715.060.012
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	55.700.980.180	61.104.288.874
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		55.700.980.180	61.104.288.874

20. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	57.604.599.256
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	42.138.380.861
Khấu hao trong năm	12.379.839.439
Số dư cuối năm	54.518.220.300
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	15.466.218.395
Số dư cuối năm	3.086.378.956

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	105.086.780.392	120.145.782.691
Phải trả người bán khác	1.207.353.456.338	1.040.808.452.090
	1.312.440.236.730	1.160.954.234.781
Phải trả người bán dài hạn		
Phải trả người bán khác	-	26.861.482.870

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	51.230.741.233	32.205.772.689
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	14.415.837.714	20.063.845.758
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	-	57.978.960.944
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	39.316.412.046	-
Các công ty liên quan khác	123.789.399	9.897.203.300
	105.086.780.392	120.145.782.691

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.559.535.672
Thuế xuất nhập khẩu	5.722.652.743
Thuế nhà đất	18.487.194
Các loại thuế khác	497.193.925
Các khoản khác	
Các khoản khác	15.256.068.562
	30.053.938.096

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	25.866.050.758
Thuế xuất nhập khẩu	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.256.823.728
Thuế thu nhập cá nhân	9.382.672.596
Thuế tài nguyên	135.718.223
Thuế nhà đất	13.754.553.417
Tiền thuê đất	16.086.494.345
Các loại thuế khác	-
	83.482.313.067

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
4.296.357.757	(1.565.250.038)	11.290.643.391
11.158.570.539	(15.730.302.621)	1.150.920.661
-	(18.487.194)	-
2.397.868.072	(200.170.453)	2.694.891.544
341.265.406	(15.510.599.749)	86.734.219
18.194.061.774	(33.024.810.055)	15.223.189.815

Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
601.346.332.520	(601.124.346.024)	26.088.037.254
4.616.198.031	(4.616.198.031)	-
64.466.255.476	(64.959.856.082)	17.763.223.122
33.307.035.961	(35.302.229.589)	7.387.478.968
2.021.280.704	(2.012.199.274)	144.799.653
422.661.186	(425.113.425)	13.752.101.178
51.680.776.557	(50.616.353.577)	17.150.917.325
8.287.896.579	(8.242.842.815)	45.053.764
766.148.437.014	(767.299.138.817)	82.331.611.264

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	49.622.386.642	35.396.461.795
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	6.244.307.466	32.358.350.533
Chi phí gia công thuê ngoài	4.841.847.649	3.796.303.841
Phí hoa hồng	7.078.538.027	2.004.942.997
Chi phí cải tạo, sửa chữa	20.604.944.282	7.025.427.734
Chi phí hoạt động	5.312.805.942	8.165.119.778
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	4.904.976.118	2.540.537.817
Chi phí phải trả khác	12.862.855.871	16.474.838.728
	111.472.661.997	107.761.983.223
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	112.421.333.997	108.710.655.223

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	25.614.144.000	26.562.816.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	24.665.472.000	25.614.144.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	360.509.747.843	363.057.205.021
Phải trả cổ tức	73.126.676.721	19.924.764.313
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	35.792.081.114	34.171.117.244
Tiền bồi thường đất phải trả Nhà nước liên quan đến giải phóng mặt bằng	-	16.637.208.401
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	20.117.470.886	20.334.104.264
Phải trả lãi vay khác	14.237.106.733	24.950.134.767
Quỹ từ thiện	4.070.700.155	5.680.518.491

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả về cổ phần hóa	5.705.200.229	5.919.084.298
Phải trả tiền hỗ trợ xây dựng nhà máy	11.986.748.090	-
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	439.607.118	1.503.100.532
Các khoản phải trả khác	70.601.642.335	73.035.674.515
	604.149.072.236	572.775.002.858

(*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ ("Công văn 17623"). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	6.826.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	14.212.500.000	26.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.005.654.052	25.433.296.552
	87.081.581.052	103.509.223.552

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án Xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Doanh thu nhận trước	239.723.692.421	219.500.332.793
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.481.730.833)	(6.147.064.252)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	233.241.961.588	213.353.268.541

26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	4.232.532.104.576	4.232.532.104.576
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(i))	459.059.762.177	459.059.762.177
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)(ii))	114.000.000.000	114.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	20.003.297.190	20.003.297.190
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	880.410.000
	4.826.475.573.943	4.826.475.573.943

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong khoản vay ngắn hạn có 2.062.111 triệu VND (1/1/2018: 1.651.251 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tổng cộng là 2.340.107 triệu VND (1/1/2018: 1.704.664 triệu VND) (Thuyết minh 6, 8, 12, 13 và 17). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,3% đến 10,5% (2017: 1,3% đến 10%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,3% đến 9,5% (2017: từ 1,2% đến 7%) một năm.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn (i)	5.150.463.976.252	5.298.678.876.949
Trái phiếu thường (ii)	130.000.000.000	314.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	38.082.409.758	39.544.024.794
Nợ dài hạn khác	35.865.983.097	30.201.230.152
	5.354.412.369.107	5.682.424.131.895
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(721.006.585.070)	(593.943.469.367)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.633.405.784.037	5.088.480.662.528

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong khoản vay dài hạn có 2.508.432 triệu VND (1/1/2018: 4.931.780 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.586.230 triệu VND (1/1/2018: 5.091.018 triệu VND) (Thuyết minh 6, 8, 12, 13 và 17). Các khoản vay này chịu lãi suất từ 2,5% đến 11% (2017: Từ 2,5% đến 11%) một năm.

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm		31/12/2018	
Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
14.618.310.261.954	(13.844.022.475.124)	5.006.819.891.406	5.006.819.891.406
445.838.796.176	(334.899.800.115)	569.998.758.238	569.998.758.238
130.000.000.000	(114.000.000.000)	130.000.000.000	130.000.000.000
20.135.378.560	(20.011.258.918)	20.127.416.832	20.127.416.832
880.410.000	(880.410.000)	880.410.000	880.410.000
15.215.164.846.690	(14.313.813.944.157)	5.727.826.476.476	5.727.826.476.476

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,3% đến 11% (2017: từ 2,5% đến 10%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.626.827 triệu VND (1/1/2018: 1.592.255 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	130.000.000.000	314.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(130.000.000.000)	(114.000.000.000)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				-	200.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164.403 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 164.403 triệu VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	68.001.284.965	2.980.966.750	70.982.251.715
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(305.874.125)	(305.874.125)
Số dư cuối năm	68.001.284.965	2.675.092.625	70.676.377.590
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả dài hạn	68.001.284.965	2.675.092.625	70.676.377.590

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	155.227.742.100	139.521.407.812
Trích lập trong năm	83.806.048.575	77.117.310.550
Sử dụng trong năm	(87.940.806.372)	(61.410.976.262)
Số dư cuối năm	151.092.984.303	155.227.742.100

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	457.818.876.459
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	36.643.029.218
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2018	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	494.461.905.677
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	35.402.656.207
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	2.472.634.840	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(4.009.127.492)
Cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty liên kết làm thay đổi ảnh hưởng đáng kể với các công ty liên kết này	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	891.109.567
Số dư tại ngày 31/12/2018	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(740.362.454.896)	526.746.543.959

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
10.981.645.059	555.190.797.152	553.877.792.360	1.651.984.049.504	7.559.178.352.429	35.292.181.611	7.594.470.534.040
-	-	-	20.893.610.000	20.893.610.000	-	20.893.610.000
-	-	-	-	-	-	-
-	385.955.506.114	-	299.218.033.522	685.173.539.636	-	685.173.539.636
-	(36.643.029.218)	-	-	-	-	-
-	(53.833.996.112)	-	(23.283.314.438)	(77.117.310.550)	-	(77.117.310.550)
-	-	-	-	-	(2.316.322.803)	(2.316.322.803)
-	(250.000.000.000)	-	(151.406.533.922)	(401.406.533.922)	-	(401.406.533.922)
-	-	-	11.155.526.487	11.155.526.487	-	11.155.526.487
-	(31.976.003.599)	-	31.976.003.599	-	-	-
-	784.117.372	(3.200.000.128)	(6.571.454.940)	(8.987.337.696)	(553.206.786)	(9.540.544.482)
10.981.645.059	569.477.391.709	550.677.792.232	1.833.965.919.812	7.788.889.846.384	32.422.652.022	7.821.312.498.406
-	-	-	14.840.260.000	14.840.260.000	-	14.840.260.000
-	39.992.602	-	94.652.898	134.645.500	-	134.645.500
-	438.096.563.180	-	264.519.488.598	702.616.051.778	-	702.616.051.778
-	(35.402.656.207)	-	-	-	-	-
-	(67.440.039.224)	-	(16.366.009.351)	(83.806.048.575)	-	(83.806.048.575)
-	-	-	-	2.472.634.840	-	2.472.634.840
-	-	-	(2.249.162.860)	(6.258.290.352)	(2.041.627.020)	(8.299.917.372)
-	(250.000.000.000)	-	(171.321.716.491)	(421.321.716.491)	-	(421.321.716.491)
-	-	-	(26.296.361.854)	(26.296.361.854)	-	(26.296.361.854)
-	(4.635.975.634)	-	-	(4.635.975.634)	-	(4.635.975.634)
-	(1.243.138.174)	-	1.243.138.174	-	-	-
(10.981.645.059)	10.981.645.059	-	-	-	-	-
-	(2.678.937.761)	-	870.703.308	(917.124.886)	-	(917.124.886)
-	657.194.845.550	550.677.792.232	1.899.300.912.234	7.965.717.920.710	30.381.025.002	7.996.098.945.712

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

31/12/2018 và 1/1/2018		
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	31/12/2018			1/1/2018		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX (trước là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam) (*)	35.000.000	350.000.000.000	7,00%	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	15.000.000	150.000.000.000	3,00%
Ông Bùi Mạnh Hùng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	52.561.900	525.619.000.000	10,51%	67.561.900	675.619.000.000	13,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã chuyển nhượng 35.000.000 cổ phiếu cho các bên khác.

31. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2017 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2017: 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá)). Tại thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, cơ quan đại diện chủ sở hữu Vốn Nhà nước chưa có văn bản chấp thuận phương án chia cổ tức năm 2017 của Tập đoàn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông, Tập đoàn đã tạm ứng cổ tức năm 2017 là 200.000 triệu VND (tỷ lệ 4% trên mệnh giá).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.144	235.664.195.144
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
Nguồn khác	7.584.947.009	7.584.947.009
	550.677.792.232	550.677.792.232

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định - Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường - Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	24.233.316.886	32.834.581.588
Trong vòng hai đến năm năm	107.993.093.534	78.705.982.640
Sau năm năm	130.799.476.066	81.020.199.791
	263.025.886.486	192.560.764.019

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.884.734	135.819.847.264	4.363.002	98.786.400.235
EUR	28.888	831.597.075	2.206	59.430.844
		136.651.444.339		98.845.831.079

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			15.622.379.174	14.234.657.116
			26.036.550.617	24.648.828.559

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	476.992.292.584	697.661.809.901
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	114.835.947.603	109.170.049.757
	591.828.240.187	806.831.859.658

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
- Bán hàng	18.501.536.811.163	16.694.991.510.755
- Cung cấp dịch vụ và gia công	448.776.497.321	489.059.310.222
- Cho thuê lại đất thuê	92.108.480.326	201.971.474.567
- Bán và cho thuê bất động sản	93.735.861.183	82.630.143.361
	19.136.157.649.993	17.468.652.438.905
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	(17.819.148.482)	15.569.821.994
- Giảm giá hàng bán	(1.952.050.680)	2.544.794.496
- Hàng bán bị trả lại	(14.920.318.663)	3.994.022.473
	(34.691.517.825)	22.108.638.963
Doanh thu thuần	19.101.466.132.168	17.446.543.799.942

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
- Thành phẩm và hàng hóa đã bán	16.816.028.775.628	15.307.517.382.800
- Dịch vụ đã cung ứng	303.152.631.900	357.429.906.675
- Cho thuê lại đất thuê	61.172.188.444	118.640.627.433
- Bán và cho thuê bất động sản	93.151.186.176	55.041.321.809
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	26.961.958.887	15.877.791.760
	17.300.466.741.035	15.854.507.030.477

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	136.801.660.753	174.500.933.786
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	63.547.530.135	3.122.184.622
Cổ tức được chia	24.188.298.245	22.005.462.487
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75.524.687.584	50.864.552.453
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.544.418.686	8.669.020.921
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	-	2.765.978.263
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	1.845.786.691	32.647.549.303
Lãi do thanh lý công ty liên kết	7.181.233.855	22.749.912.280
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.800.614.908	569.325.827
	324.434.230.857	317.894.919.942

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	457.300.477.034	356.407.134.776
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	11.879.251.337	-
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	-	4.380.261.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	95.946.585.244	26.177.292.294
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	66.595.352.522	4.375.375.063
Lãi thanh toán chậm	-	280.714.194
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.094.816.429	6.270.072.146
Chi phí tài chính khác	8.068.969.965	8.375.379.220
	643.885.452.531	406.266.228.809

39. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	77.472.886.558	65.669.272.539
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.361.164.693	10.712.509.381
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.246.679.088	1.657.845.282
Chi phí vận chuyển	156.327.690.135	164.984.106.679
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	7.899.512.082	11.161.014.680
Chi phí xuất nguyên vật liệu	387.792.721	132.598.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.188.682.429	147.199.240.123
Chi phí bao bì	37.894.504.169	30.765.396.129
Chi phí hoa hồng	32.958.922.815	28.129.860.550
Chi phí xuất nhập khẩu	20.550.788.943	19.864.287.951
Chi phí bán hàng khác	60.274.492.553	66.332.751.456
	536.563.116.186	546.608.882.782

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	425.138.500.518	398.224.621.838
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	29.376.940.546	32.651.751.483
Chi phí khấu hao và phân bổ	49.694.561.860	43.221.803.754
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	28.540.250.869	35.392.322.383
Thuế, phí và lệ phí	40.232.416.559	46.094.072.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.424.326.981	105.936.424.026
Tiền thuê đất	25.243.148.057	28.294.062.682
Công tác phí	25.651.405.715	32.331.518.843
Chi phí tiếp khách	16.715.792.217	21.322.079.549
Chi phí đào tạo	5.006.306.553	4.288.112.181
Chi phí khác	146.971.636.904	122.739.813.407
	893.995.286.779	870.496.583.100

41. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	25.956.046.623	17.108.811.266
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	18.551.002.556	63.533.102.391
Bán phế liệu	311.881.302	1.879.417.183
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	2.131.292.893	2.348.181.220
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.780.266.580	18.889.547.988
Nợ phải trả được xóa tại một công ty con của Tập đoàn sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng (*)	76.095.142.053	-
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	-	21.746.532.454
Thu từ các khoản khác	23.253.178.820	29.507.832.370
	148.078.810.827	155.013.424.872

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, đã tiến hành giải phóng mặt bằng dự án xây dựng nhà xưởng Thăng Lợi cho Onshine Investment Ltd., một bên thứ ba, với thỏa thuận Onshine Investment Ltd. sẽ xóa khoản vay 76 tỷ VND cho Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sau khi việc giải phóng mặt bằng hoàn tất. Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng nói trên với tổng chi phí phát sinh tương ứng là 61.8 tỷ VND (Thuyết minh 42).

42. Chi phí khác

	2018 VND	2017 VND
Lỗi do thanh lý tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	21.662.546.763	1.601.800.368
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	6.911.512.493	4.859.459.717
Phạt vi phạm thuế	675.667.628	5.742.378.719
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	2.000.307.685	3.228.075.727
Chi phí giải phóng mặt bằng (Thuyết minh 41)	61.818.181.818	-
Chi các khoản khác	17.251.500.918	22.764.487.342
	110.319.717.305	38.196.201.873

43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	7.437.872.535.983	6.383.934.692.246
Chi phí nhân viên	3.773.920.302.859	3.447.437.226.685
Chi phí khấu hao	889.228.800.886	770.418.177.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.602.771.918.166	2.619.080.623.634
Chi phí khác	1.805.815.750.908	1.179.048.883.910

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	63.802.192.490	64.000.483.446
Dự phòng thiếu trong những năm trước	664.062.986	1.095.877.308
	64.466.255.476	65.096.360.754
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(5.681.619.408)	(1.800.056.762)
Chi phí thuế thu nhập	58.784.636.068	63.296.303.992

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	761.400.687.846	748.469.843.628
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	152.280.137.569	149.693.968.726
Ưu đãi thuế	(5.375.177.238)	(4.511.202.164)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8.549.237.187)	(8.253.026.326)
Chi phí không được khấu trừ thuế	22.715.983.735	5.411.403.942
Thu nhập không bị tính thuế	(139.368.025.215)	(113.419.617.680)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(6.705.260)	(187.539.316)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	36.423.596.678	33.466.439.502
Dự phòng thiếu trong những năm trước	664.062.986	1.095.877.308
	58.784.636.068	63.296.303.992

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm 2018 là 388.856.942.627 (2017: 385.955.506.114) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	438.096.563.180	385.955.506.114
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(67.440.039.224)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	370.656.523.956	385.955.506.114
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
	741	772

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 67.440.039.224 VND - số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2017.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	370.656.523.956	385.955.506.114
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (Thuyết minh 33)	55.067.779	55.067.779
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	555.067.779	555.067.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần	668	695

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Các công ty liên kết		
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	350.137.903.821	290.627.386.665
Mua hàng hóa và dịch vụ	124.584.728.295	99.928.967.195
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.393.097.378	34.720.669.453
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.870.766.874	106.841.248.615
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	350.442.726	15.054.655.277
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	442.804.186	120.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.192.455.025	19.547.822.493
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.519.327.395	1.188.525.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.859.101.643	7.158.998.015
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.930.000	27.710.952.332
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	78.409.987.432
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.580.774.139	5.085.765.028
Mua hàng hóa và dịch vụ	450.791.300	108.434.700
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	49.796.399.521
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai		
Mua vốn cổ phần	-	7.665.840.000
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	79.200.000	29.800.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.554.806.416	17.415.455.027

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	202.155.717	-
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu		
Khoản cho vay	95.665.454	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	5.072.806.508
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	12.000.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao đã trả	3.345.257.204	2.413.368.000
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	3.761.689.606	2.791.491.987

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi vay nhập gốc	2.375.511.831	29.846.866.176
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác của Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	4.526.480.000	-

48. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
Vietnam National Textile and Garment Group

Địa chỉ: Tòa nhà Leadvisors Place - 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (+84-24) 38257700. Fax: (+84-24) 38262269. Website: www.vinatex.com.vn